

MỞ ĐẦU

1.1.Sự cần thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Vì vậy, để tiêu thụ được sản phẩm hàng hoá đạt lợi nhuận cao thì các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi tình hình biến động của thị trường đưa ra các chiến lược tiêu thụ kịp thời để hạn chế những bất lợi đối với lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận bất thường khác. Lợi nhuận càng cao thì tình hình tài chính càng ổn định. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Do đó, cuối kỳ kinh doanh doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dầu FO, cùng nhiều lĩnh vực khác cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Công ty được thành lập nhằm cung cấp các sản phẩm dầu đốt lò tại miền Bắc và các vùng lân cận. Công ty gặp khó khăn như phải đối mặt với sự cạnh tranh của các công ty kinh doanh cùng mặt hàng đã quen với thị trường và khách hàng. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của kế toán là công ty là cần phải xác định đúng lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp có đủ thông tin để đạt được lợi thế trong kinh doanh, giảm chi phí và đạt được lợi nhuận cao. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán xác định doanh thu và lợi nhuận tại công ty, cùng với sự hướng dẫn tận tình của PGS.TS. Thịnh Văn Vinh và các nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh, em đã lựa chọn chuyên đề : ***“ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công***

ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh” .

1.2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lí luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.

- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh trong thời gian thực tập.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lí luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lí luận.

- Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...

- Phương pháp thống kê: Dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

1.5. Nội dung, kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

- **Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**
- **Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và xây dựng An Sinh.**
- **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.**

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của giảng viên và các cô chú ở phòng kế toán tài vụ của công ty đã giúp em hoàn thành luận văn của mình. Song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, báo cáo của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Khái quát về doanh thu

1.1.1.1 Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu

- Doanh thu: là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu tài chính: là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

❖ *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với

quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

+ *Chiết khấu thương mại*: Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

+ *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

+ *Hàng bán bị trả lại*: Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

+ *Thuế xuất khẩu*: Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

+ *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.2. Khái quát về chi phí

1.1.2.1. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

+ **Giá vốn hàng bán**: Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất. Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

+ **Chi phí bán hàng**: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

- Chi phí vật liệu bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

+ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của

doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- Thuế phí, lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

1.1.2.2. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

1.1.2.3. Chi phí khác

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm,

kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.

- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu

1.2.1.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

** Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp thương mại:*

- **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho: là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất hiện ra từ kho của doanh nghiệp.

Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

- **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

- **Bán hàng đại lý hay ký gửi hàng hoá:** Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở đại lý. Bên nhận đại lý trực tiếp bán hàng thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển cho cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi cơ sở đại lý thông báo hàng đã bán được.

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

- Chứng từ sử dụng:

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

+ **TK 511** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 5 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

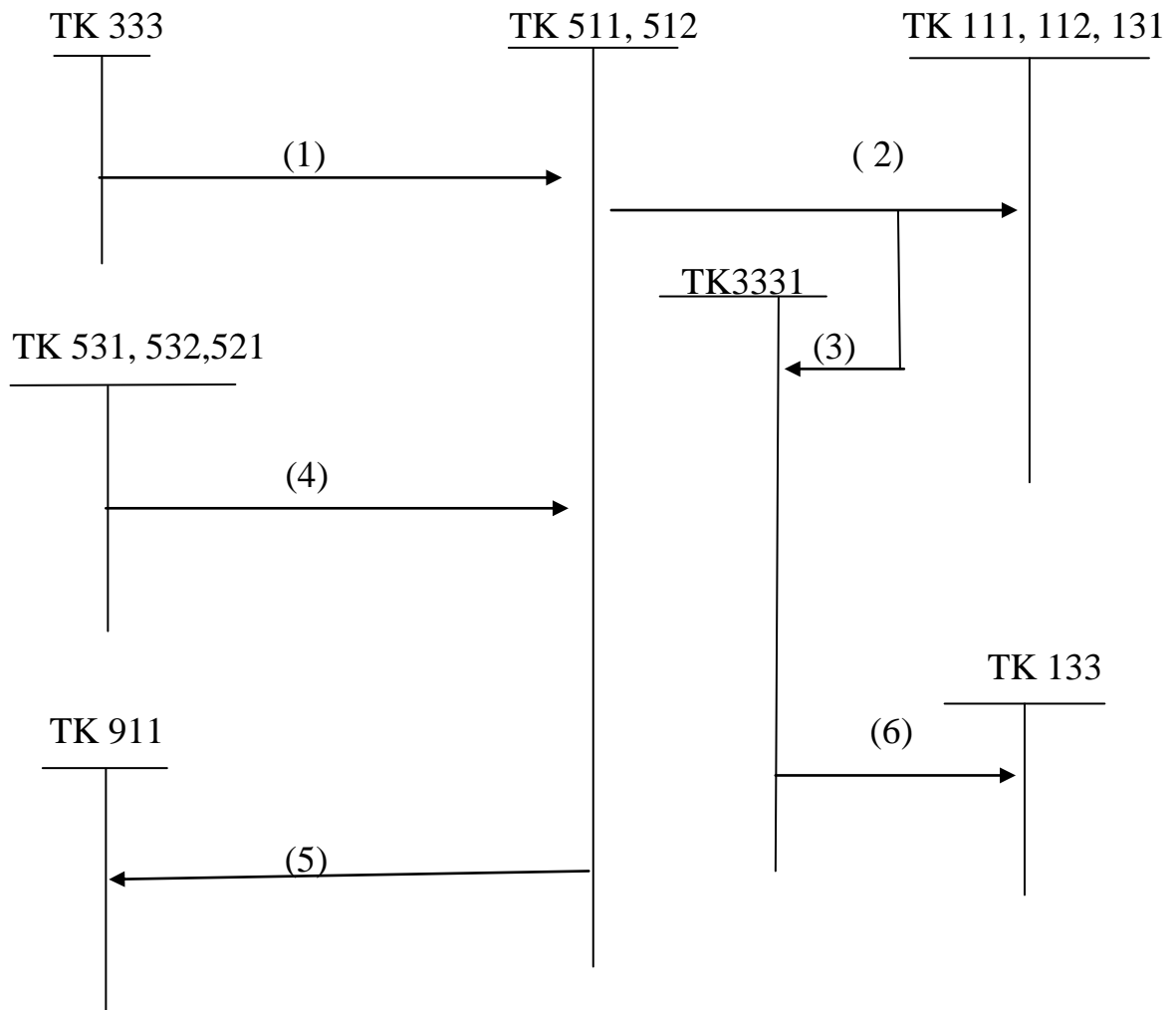
+ **TK 512** – Doanh thu bán hàng nội bộ: có 3 TK cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá nội bộ.

- TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.
- TK 5123: Doanh thu dịch vụ nội bộ

* Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng



Chú thích:

- (1): Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp làm giảm trừ doanh thu
- (2): Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
- (3): Thuế GTGT phải nộp
- (4): Các khoản làm giảm trừ doanh thu
- (5): Kết chuyển doanh thu
- (6): Thuế của hàng bán nội bộ

1.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:**+ TK 521: Chiết khấu thương mại**

- TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

+ TK 531: Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

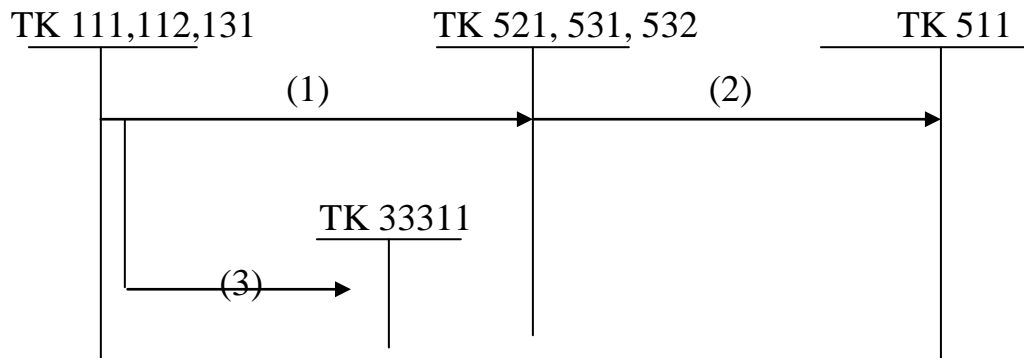
+ TK 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách trên giá bán đã thỏa thuận.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



Chú thích:

- (1) Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán
- (2) Kết chuyển giảm doanh thu vào cuối kỳ
- (3) Kết chuyển thuế GTGT giảm

❖ Các khoản thuế làm giảm doanh thu

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

$$\text{GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

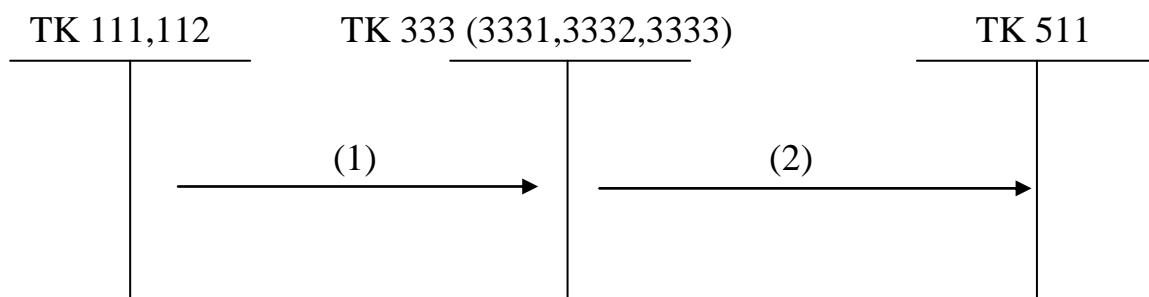
Cách tính:

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất}$$

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



Chú thích:

- (1) Thuế đã nộp
- (2) Thuế phải nộp NSNN

1.2.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính

* Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp) (Nếu là cho thuê hoạt động, cho thuê bất động sản đầu tư thì hạch toán vào TK 511);

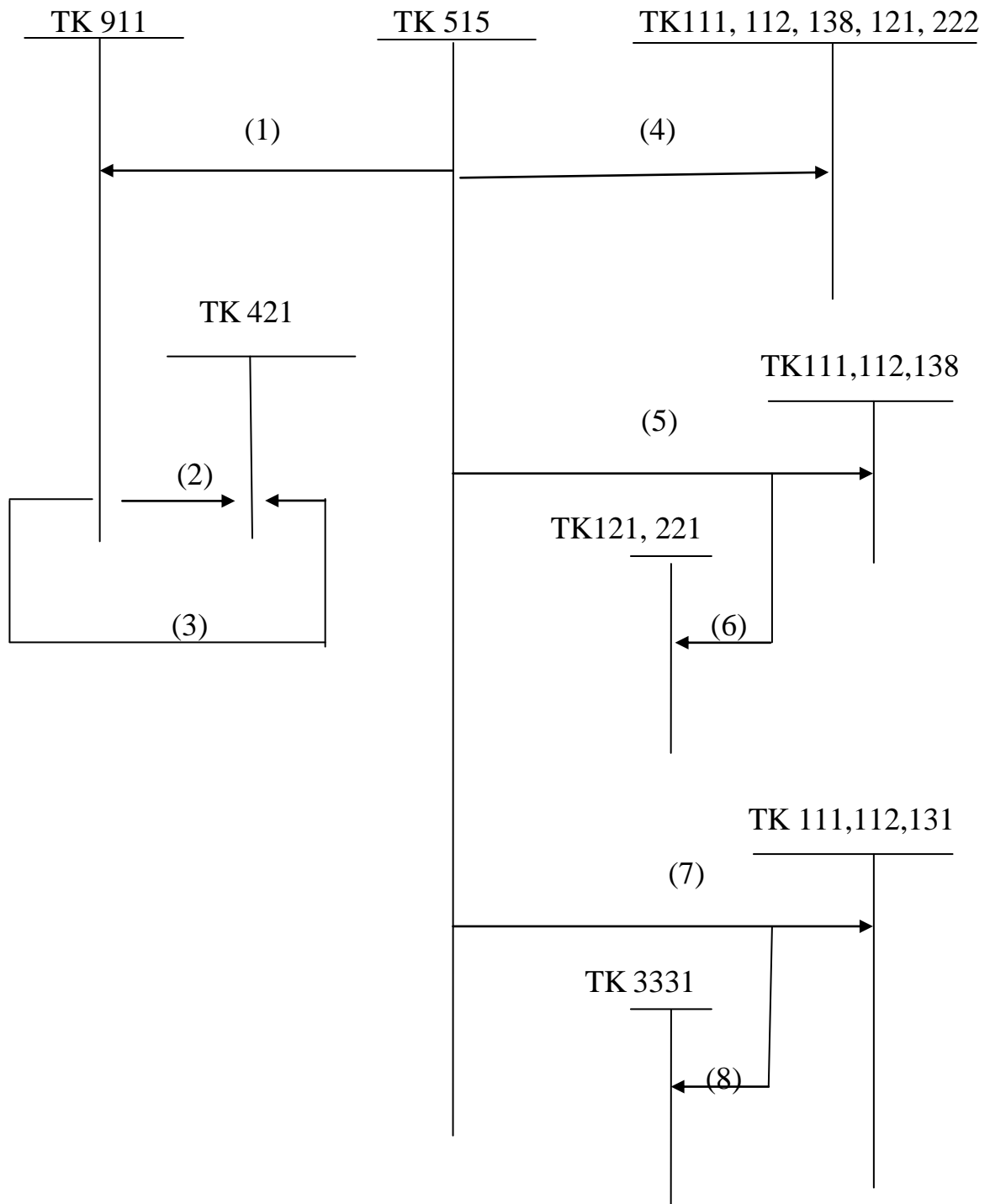
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

* Tài khoản sử dụng: TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Chú thích:

- (1): Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- (2): Kết chuyển lỗ
- (3): Kết chuyển lãi
- (4): Các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh, định kỳ thu lãi tín phiếu, trái phiếu, cổ tức được hưởng

(5): Tiền lãi khi thanh toán chuyển nhượng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

(6): Giá gốc của chứng khoán

(7): Thu nhập từ bán ngoại tệ, cho thuê TSCĐ tài chính, bất động sản

(8): Thuế VAT của hoạt động (7)

1.2.1.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác

* Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

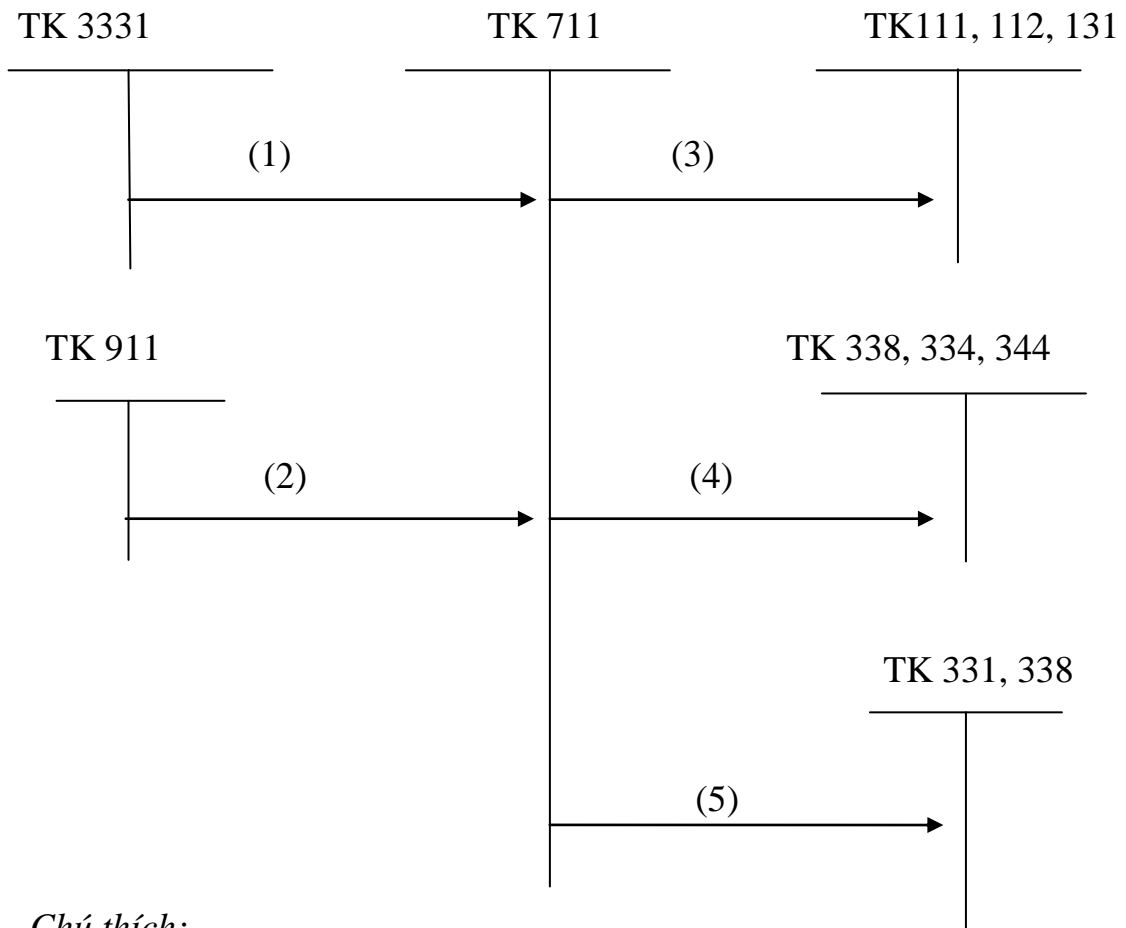
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

* Tài khoản sử dụng: TK 711 "Thu nhập khác".

* Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu
- Các chứng từ kế toán khác

Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán thu nhập khác



Chú thích:

- (1): Thuế VAT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác
- (2): Kết chuyển thu nhập khác
- (3): Thu thanh lý TSCĐ, khoản mà khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế
- (4): Tiền phạt khấu trừ vào tiền lương
- (5): Các khoản nợ phải trả chủ nợ, khoản chủ nợ không đòi

1.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí

1.2.2.1. Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán**

✓ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: giá vốn hàng bán.
- TK 632: Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

✓ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
- Bảng tính và phân bổ: nguyên vật liệu – công cụ, dụng cụ.

- Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

*** Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán:**

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó:

+ Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá trị giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: Do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan cả đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{mua hàng} \\ \text{phân bổ} \\ \text{cho HH đã} \\ \text{bán} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng} \\ \text{của HH tồn kho đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng} \\ \text{của HH phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của HH tồn cuối kỳ} \\ \text{và HH đã xuất bán trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tiêu chuẩn} \\ \text{phân bổ} \\ \text{của HH đã} \\ \text{xuất bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: " hàng hóa tồn kho cuối kỳ" bao gồm cả hàng hóa tồn trong kho; hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi trên đường và hàng hóa hàng gửi bán nhưng chưa được chấp nhận.

- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

*** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần 1).

*** Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập chúng ta sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

*** Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó.

Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

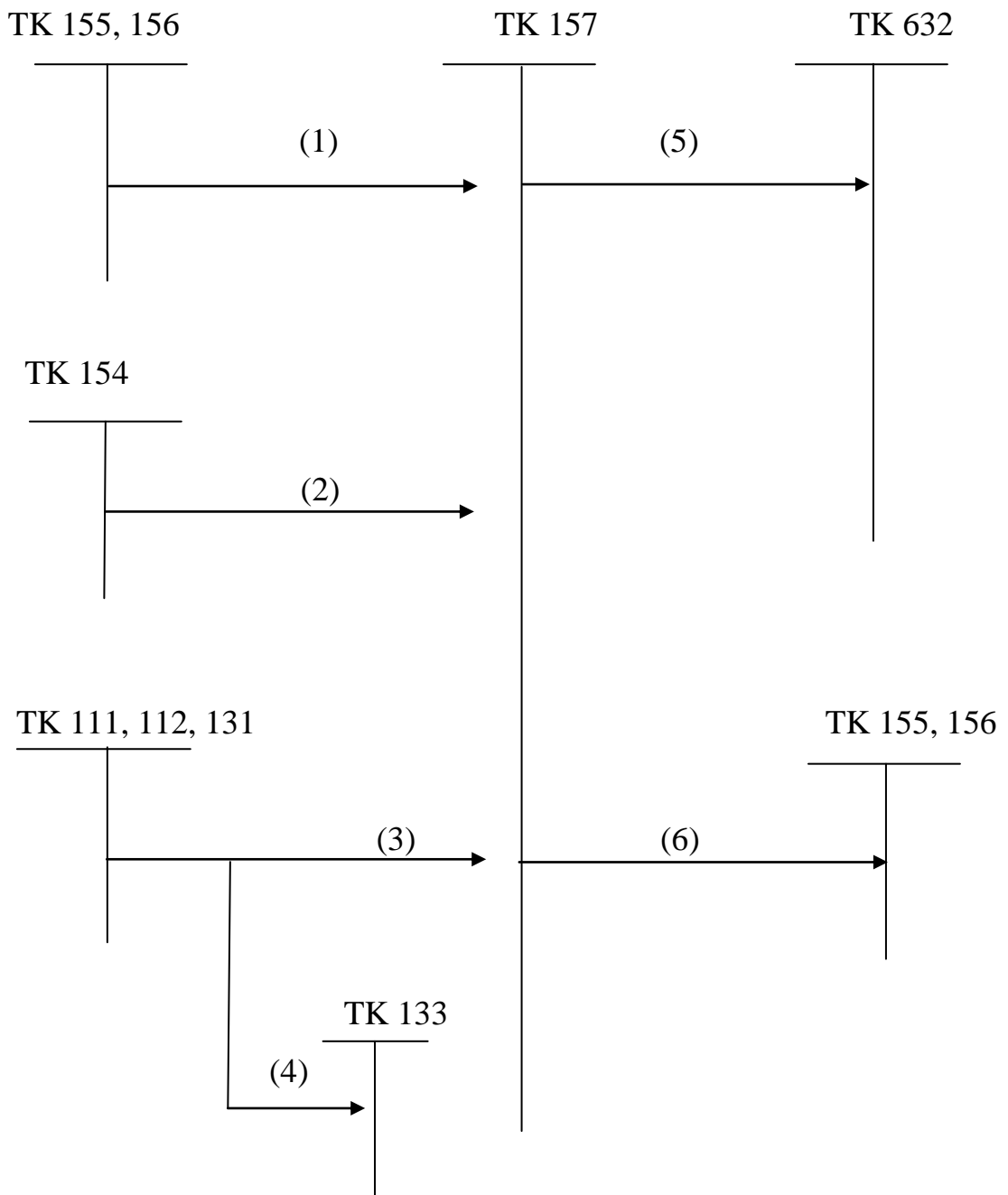
Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập.

Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

*** Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức gửi hàng**

Quy trình hạch toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức gửi hàng đi bán



Chú thích:

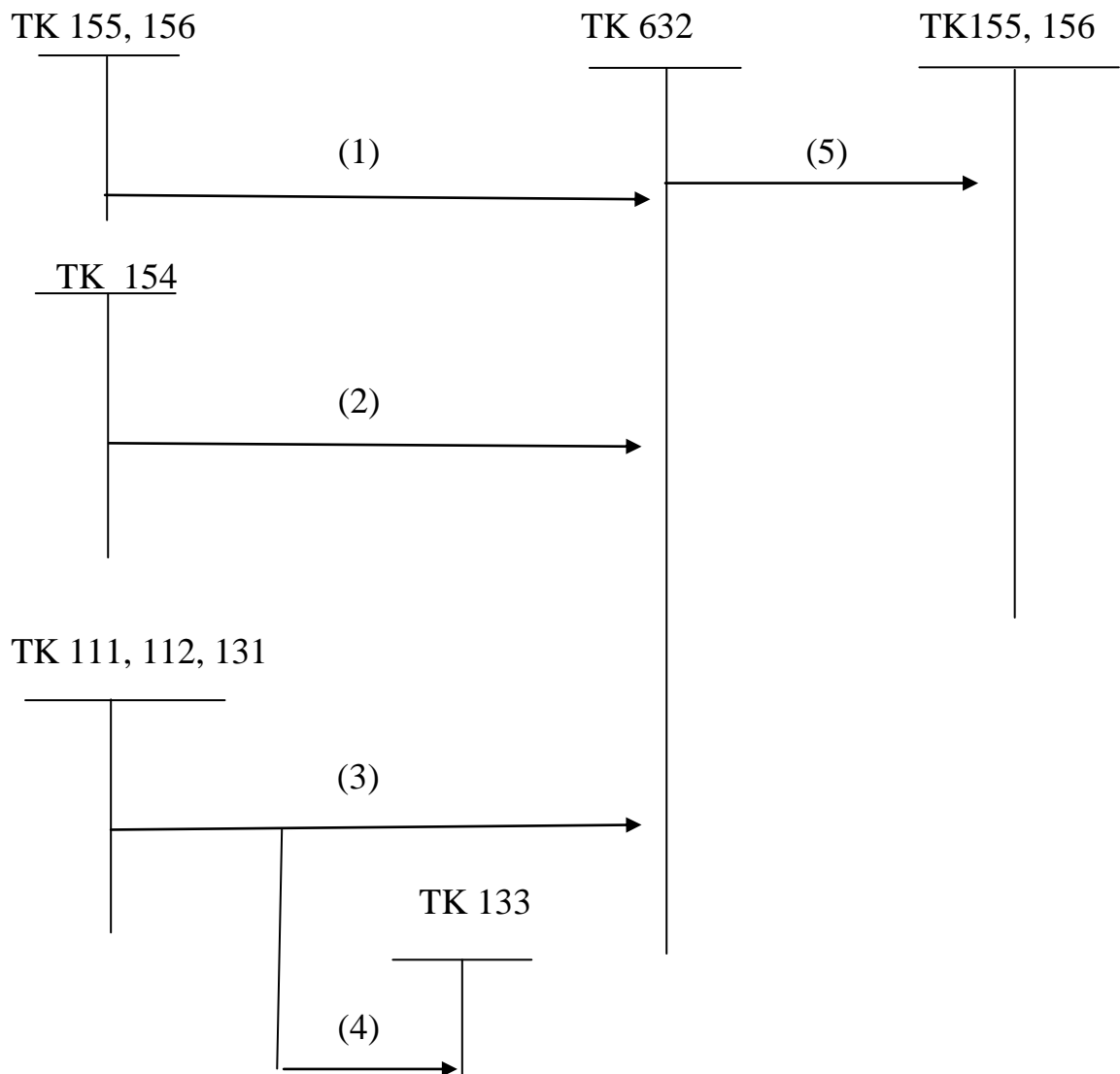
- (1): Xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán
- (2): Lao vụ dịch vụ hoàn thành bàn giao cho khách hàng
- (3): Hàng hóa mua gửi thẳng qua đại lý
- (4): Thuế VAT của hàng mua gửi thẳng qua đại lý
- (5): Kết chuyển giá vốn hàng đã bán
- (6): Hàng gửi không được chấp nhận

*** Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức bán hàng trực tiếp**

Theo phương thức này, bên mua căn cứ vào hợp đồng đã ký kết ủy nhiệm người của đơn vị mình trực tiếp đến nhận hàng tại kho đơn vị bán hoặc giao nhận hàng tay ba (hàng bán thẳng) tại địa điểm quy định trong hợp đồng. Sau khi giao hàng xong người nhận ký xác nhận về số hàng đã giao nhận, khi đó hàng mới được xác định là tiêu thụ.

Quá trình hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức giao hàng trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7 : Trình tự hạch toán bán hàng theo phương thức giao hàng trực tiếp



Chú thích:

- (1): Xuất kho thành phẩm, hàng hóa bán trực tiếp
- (2): Sản phẩm sản xuất xong chuyển bán ngay hoặc chi phí sản xuất chung không phân bổ được ghi vào giá vốn
- (3): Mua hàng bán thẳng
- (4): Thuế VAT của hàng mua bán thẳng
- (5): Giá vốn của hàng bị trả lại

❖ Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng

Trong kế toán tài chính, phục vụ yêu cầu cung cấp thông tin kế toán, chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ được phân loại và tập hợp theo các yếu

tổ chi phí. Cuối kỳ, kế toán chi phí bán hàng cần được phân bổ và kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc phân bổ và kết chuyển chi phí này tùy vào từng loại hình doanh nghiệp và đặc điểm sản xuất kinh doanh.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ: Trường hợp có dự trữ hàng hóa biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành "chi phí chờ kết chuyển" và phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã được bán trong kỳ để xác định kết quả. Chi phí bán hàng phân bổ cho hàng bán ra được tính theo công thức sau:

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng đã bán} = \frac{\text{CPBH cần phân bổ đầu kỳ} + \text{CPBH cần phân bổ phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của hàng xuất bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ}} \times \text{Tiêu chuẩn phân bổ của hàng đã xuất bán trong kỳ}$$

- Tiêu thức phân bổ lựa chọn là trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán.

- "Hàng tồn cuối kỳ": Đối với doanh nghiệp sản xuất là trị giá vốn thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ và hàng gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 155, 157).

- Đối với doanh nghiệp sản xuất là trị giá vốn thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ, hàng mua còn đang đi đường cuối kỳ và hàng hóa gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 151, 155, 157).

✓ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

✓ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán, kế toán sử dụng TK 641 - chi phí bán hàng có 7 TK cấp 2 như sau:

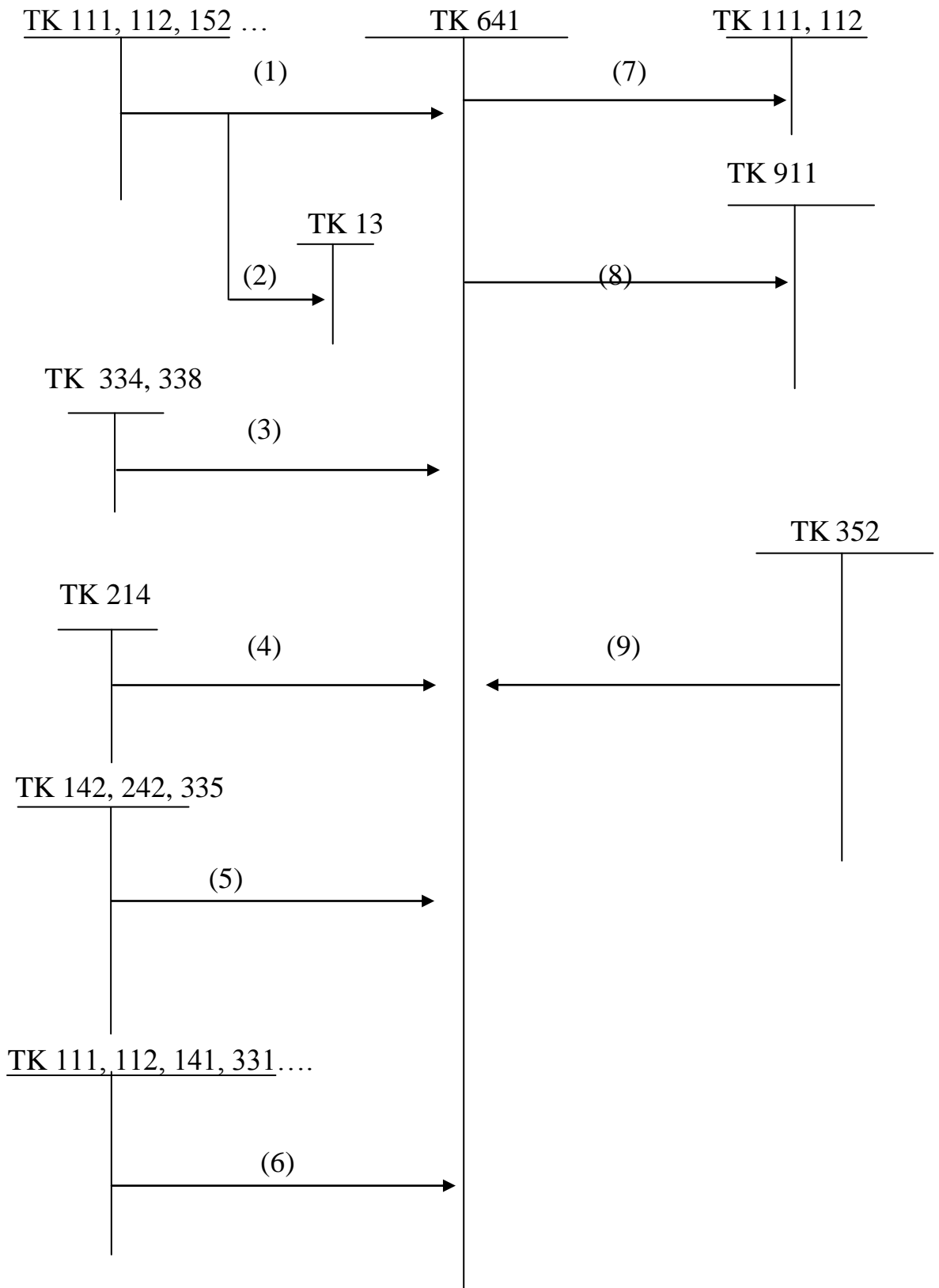
+ TK 6411: Chi phí nhân viên.

- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng (trang bên)

Chú thích:

- (1): Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (2): Thuế VAT đầu vào của chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (3): Chi phí lương và các khoản trích theo lương.
- (4): Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- (5): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6): Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- (7): Các khoản thu làm giảm chi phí.
- (8): Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh.
- (9): Hoàn nhập dự phòng phải trả.



❖ Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại như: chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cuối kỳ. Vì vậy, cần xác định chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ cho hợp lý.

✓ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ kế toán khác

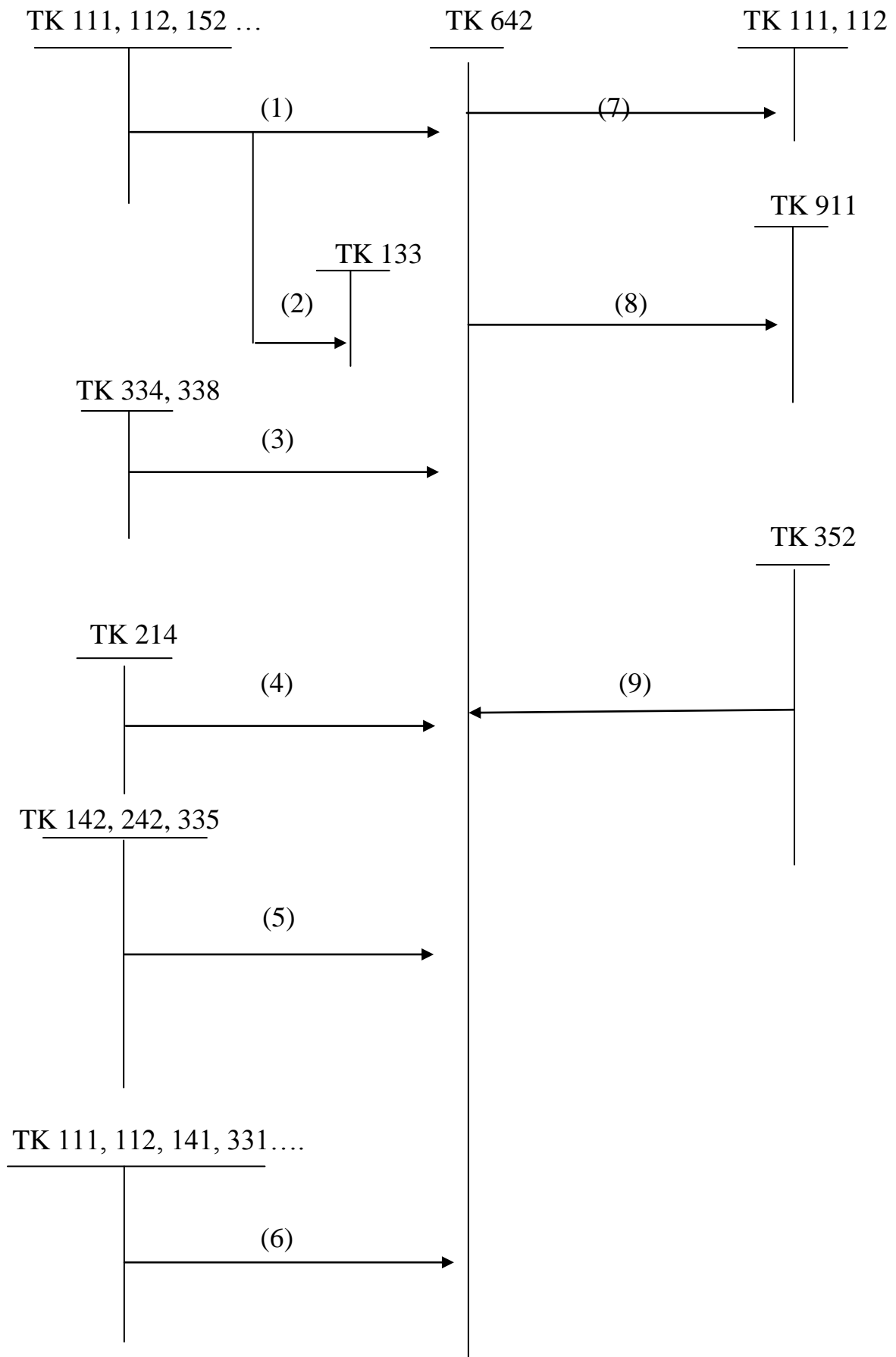
✓ Tài khoản kế toán sử dụng:

Đề hạch toán kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

-.TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng.
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Chú thích:

- (1): Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- (2): Thuế VAT đầu vào của chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- (3): Chi phí lương và các khoản trích theo lương
- (4): Chi phí khấu hao tài sản cố định
- (5): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (6): Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác
- (7): Các khoản thu làm giảm chi phí
- (8): Cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh
- (9): Hoàn nhập dự phòng phải trả

1.2.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính

✓ Tài khoản sử dụng: TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".

✓ Chứng từ sử dụng:

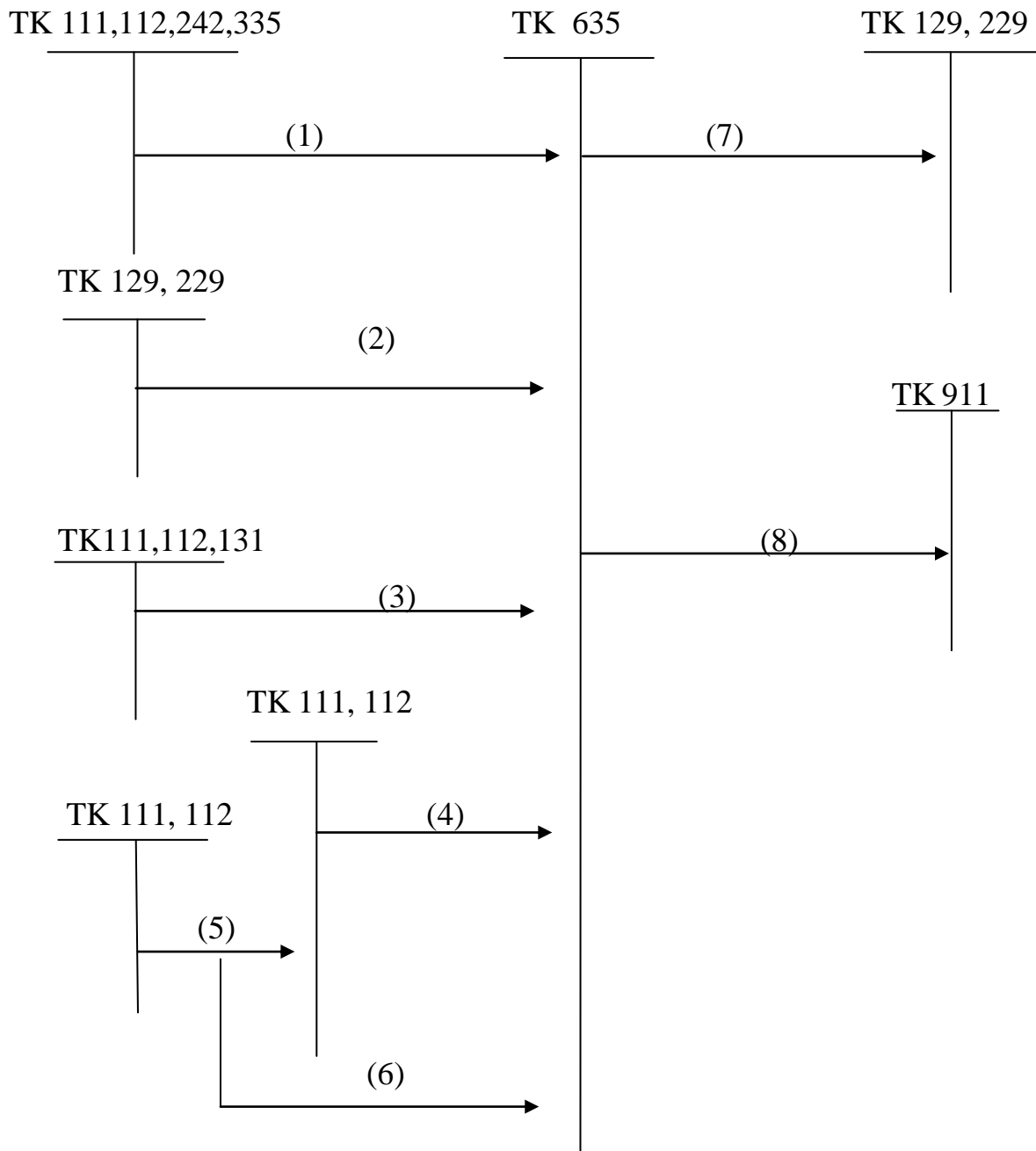
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính

(trang bên)

Chú thích :

- (1): Trả lãi vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm trả góp
- (2): Dự phòng giảm giá đầu tư
- (3): Lỗ về các khoản đầu tư
- (4): Chi phí hoạt động liên doanh liên kết
- (5): Bán ngoại tệ (giá ghi sổ)
- (6): Lỗ về bán ngoại tệ
- (7): Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư
- (8): Kết chuyển chi phí tài chính cuối kỳ



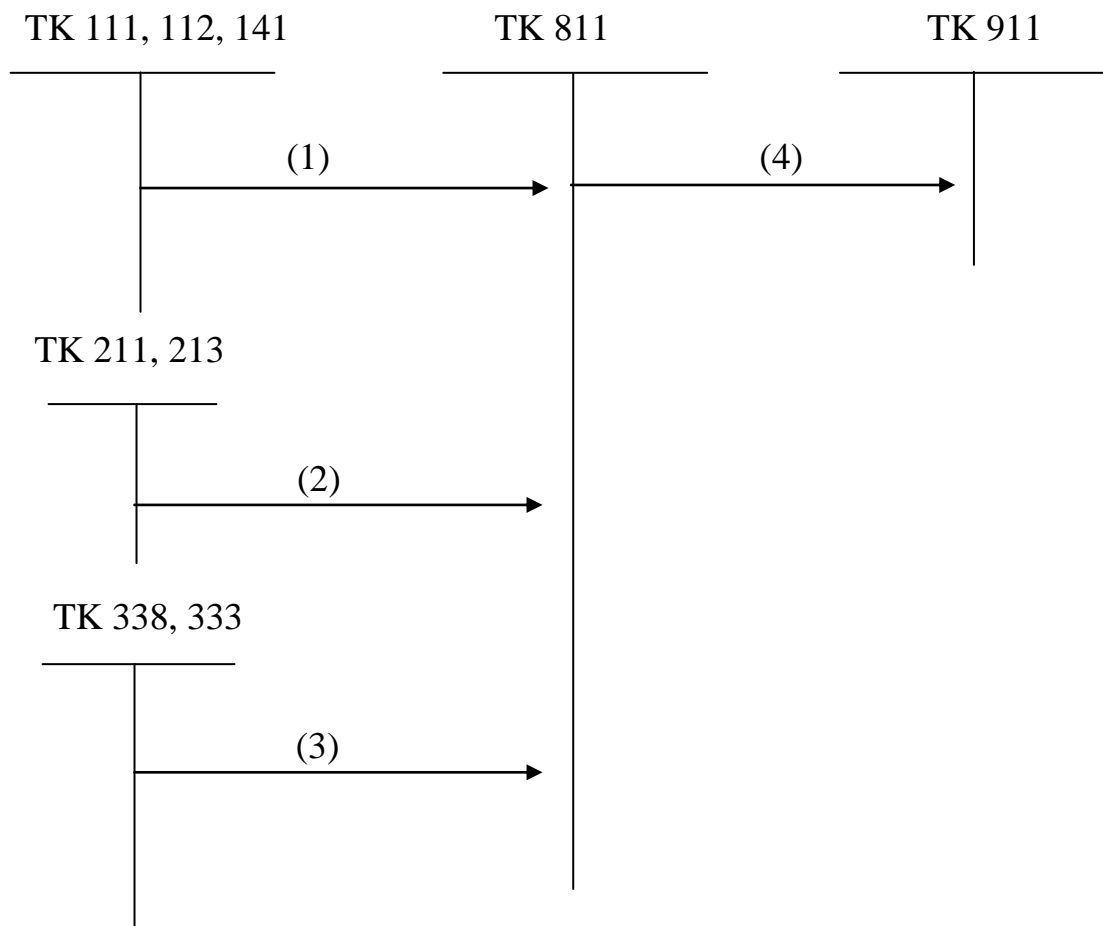
1.2.2.3. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;

- Các khoản chi phí khác.
 - ✓ *Tài khoản kế toán sử dụng:* TK 811- "Chi phí khác".
 - ✓ *Chứng từ sử dụng:*
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ khác liên quan

Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán chi phí khác



Chú thích:

- (1): Chi phí khác phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh.
- (2): Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- (3): Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản phải nộp khác.
- (4): Kết chuyển chi phí khác.

1.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng trả lại	-	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (Nếu có)
-----------------	---	--	---	-----------------------	---	-------------------	---	--------------	---	---

Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ = Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chi phí hoạt động bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính

Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính = Thu nhập tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

➤ Kết quả từ thu nhập hoạt động khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác - Chi phí cho hoạt động khác

➤ Tài khoản sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

➤ Nguyên tắc hạch toán TK 911

+ TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kì hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.

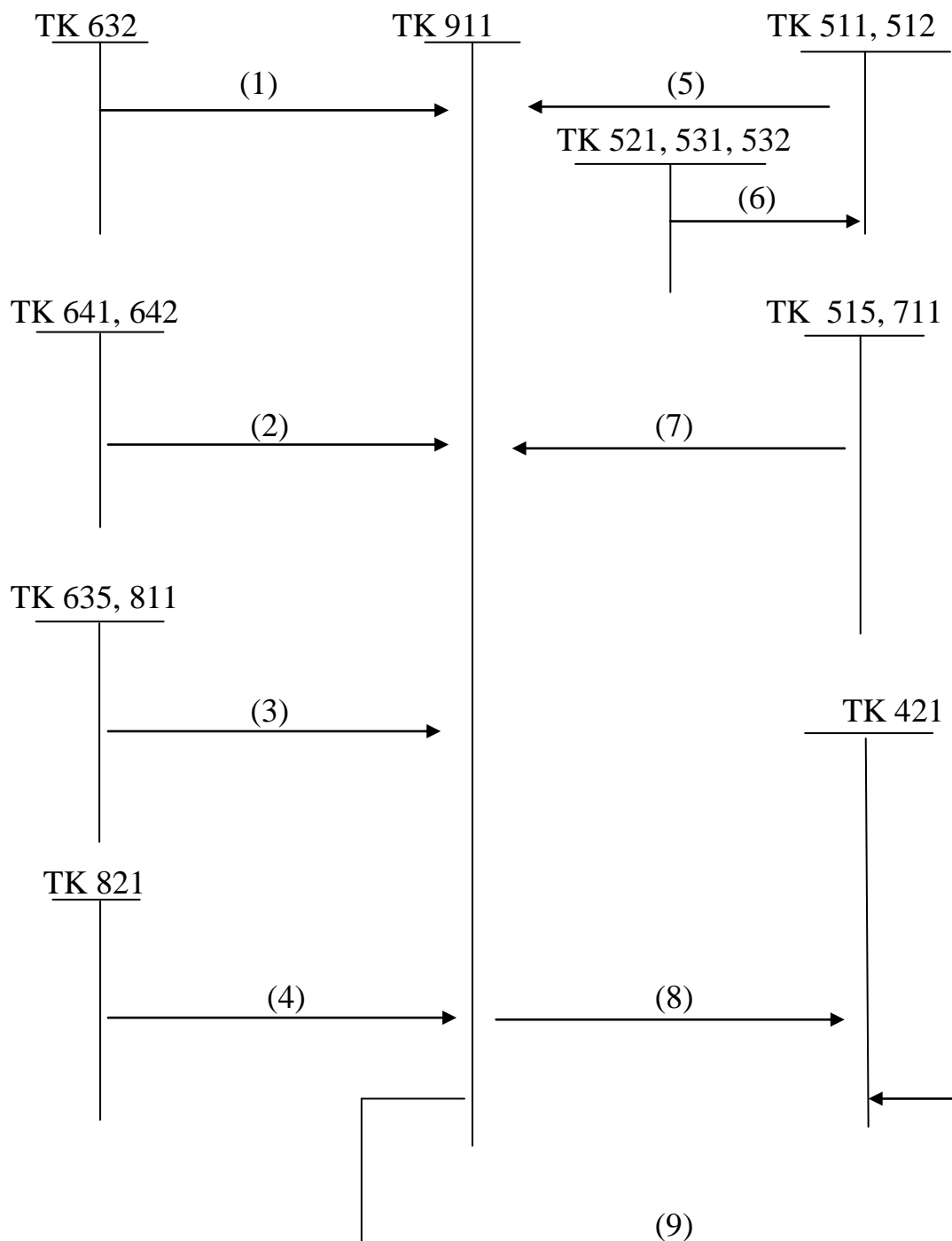
+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.

+ Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại, từng khâu, lao vụ, dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.13: Trình tự hạch toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh



Chú thích:

- (1): Kết chuyển giá vốn hàng bán
- (2): Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- (3): Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác
- (4): Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- (5): Kết chuyển doanh thu thuần
- (6): Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu
- (7): Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác
- (8): Kết chuyển lỗ
- (9): Kết chuyển lãi

1.3. Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung

✓ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung

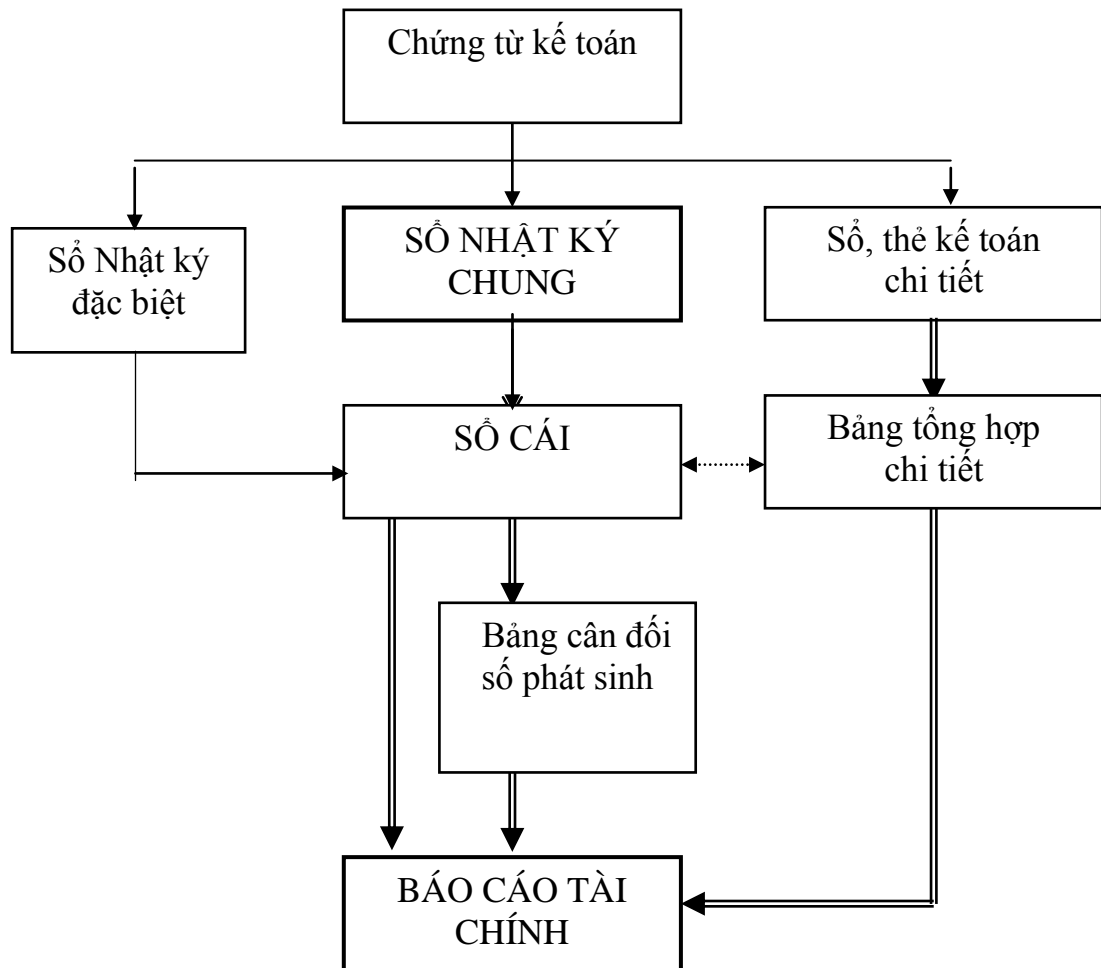
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

❖ **Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**

✓ Đặc trưng cơ bản:

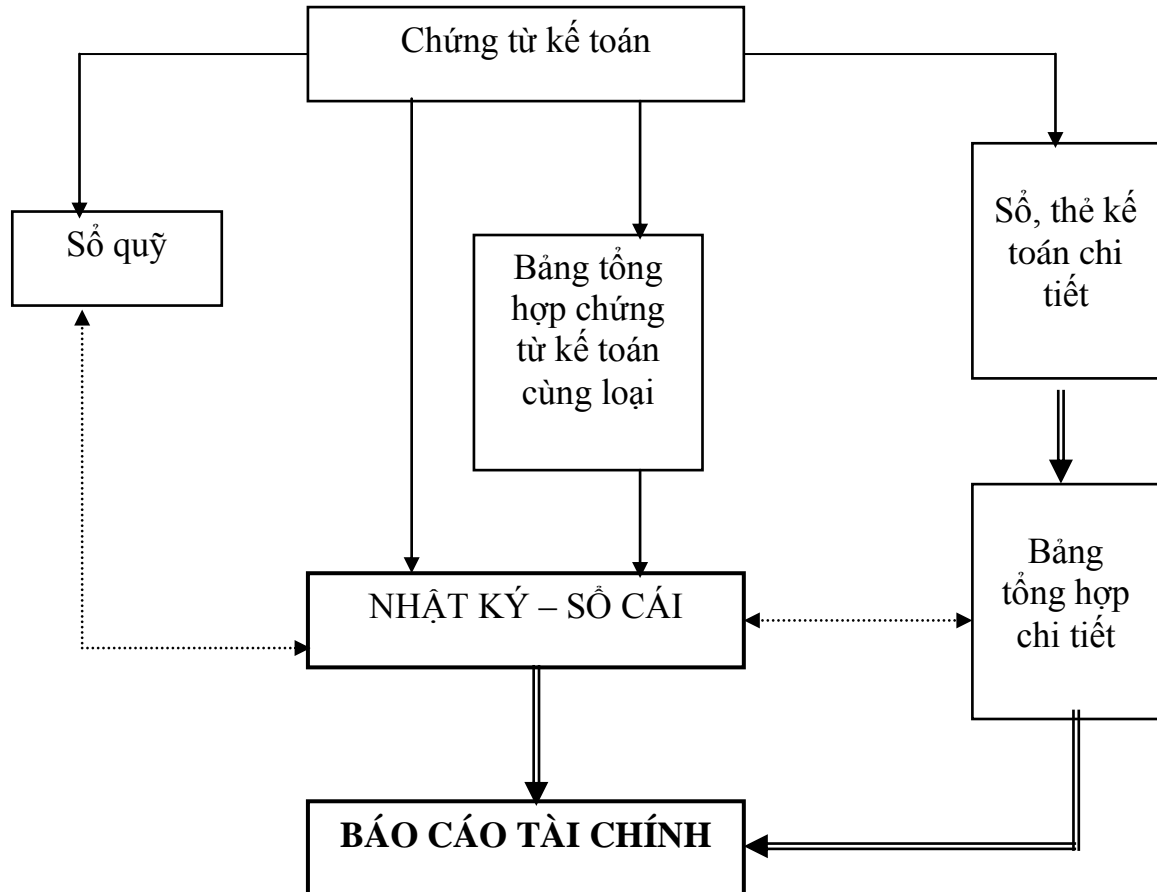
Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- ✓ Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.14: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

❖ **Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

✓ Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

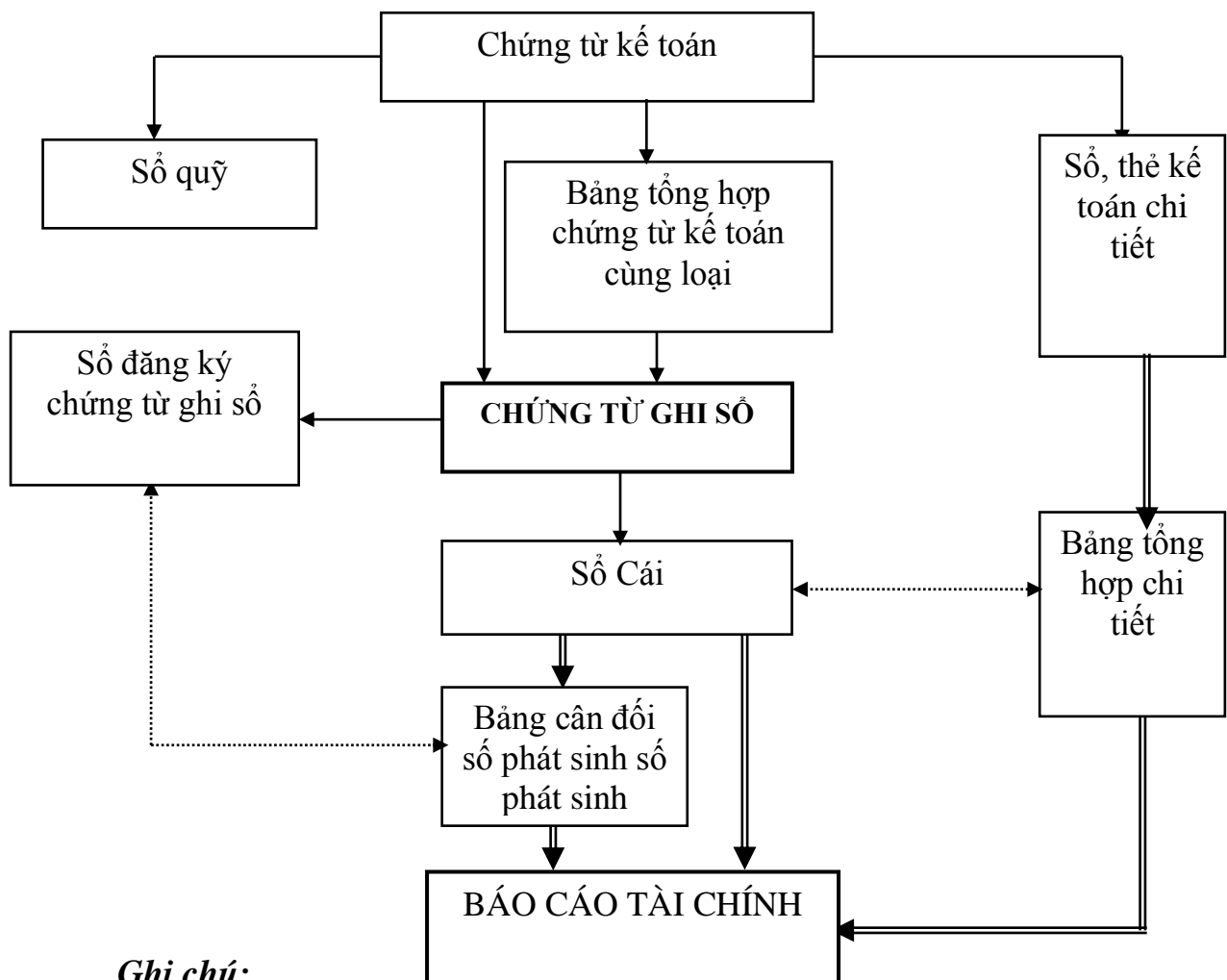
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Quy trình hạch toán như sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.15: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

❖ **Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ**

✓ Đặc trưng cơ bản:

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.

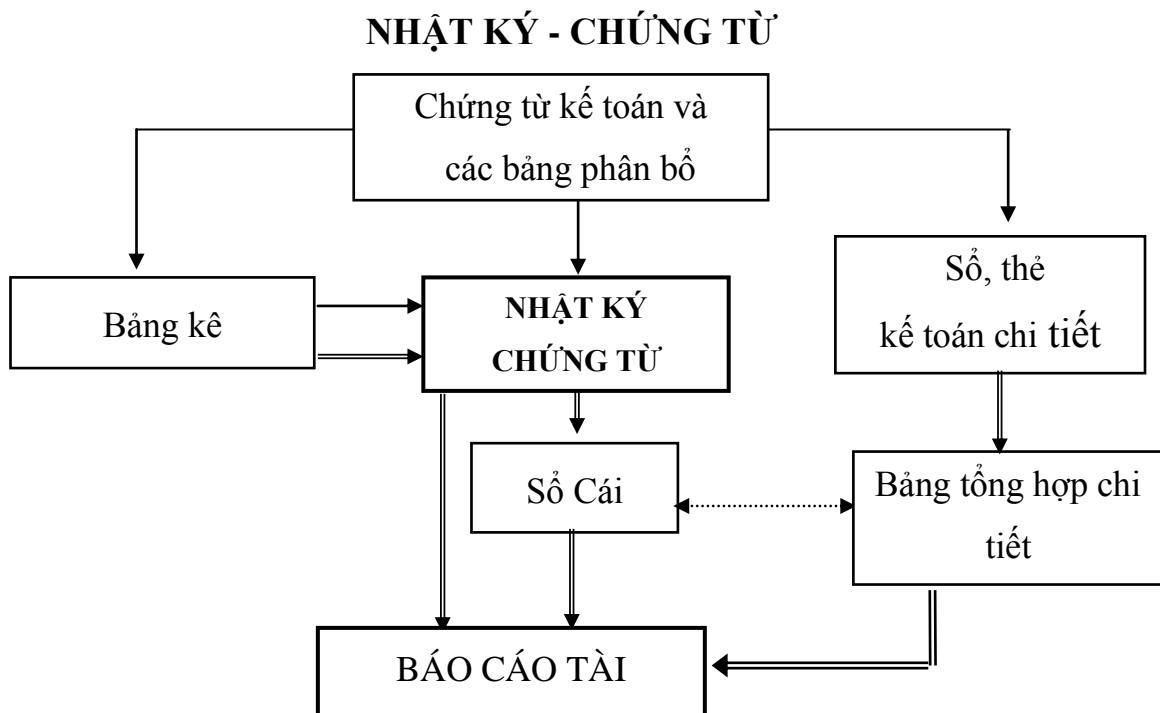
Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Quy trình hạch toán như sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.16: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng ==>>>
- Đối chiếu, kiểm tra <----->

❖ **Hình thức kế toán trên máy vi tính**

✓ Đặc trưng cơ bản:

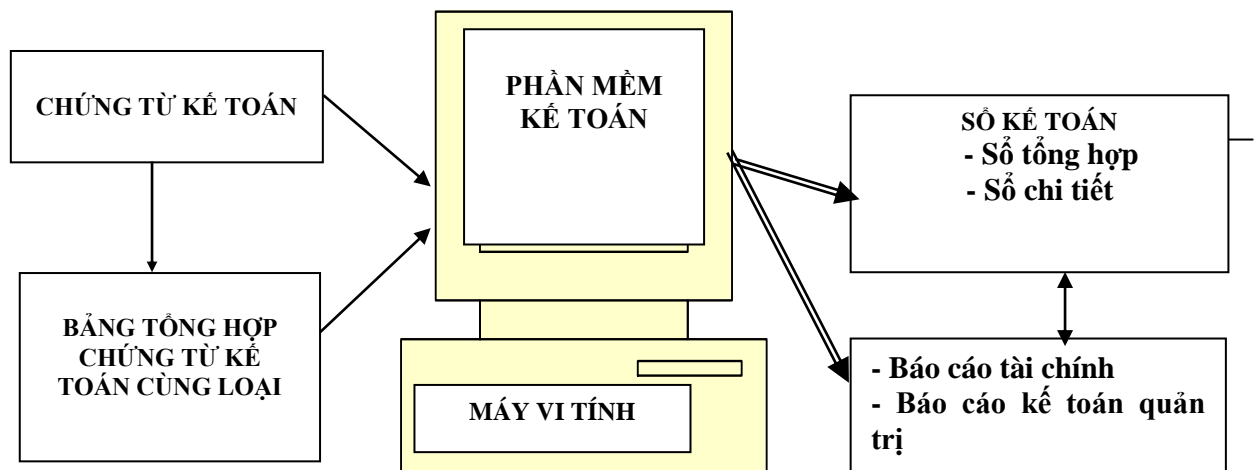
- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

✓ Quy trình hạch toán như sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.17 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⋯⋯<—> Đối chiếu, kiểm tra

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH

2.1. Một số nét khái quát về công ty TNHH TM & XD An Sinh

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

**Tên công ty : Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh*

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 1A, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng..

- Đăng ký kinh doanh số: 0102029460 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

- Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Tổ 1A, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 0313.678.067

- Mã số thuế : 0200576224

- Tài khoản : 088704060018632- Sở giao dịch Ngân hàng Quốc tế (VIBANK)

- Chủ sở hữu: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh

** Ngành, nghề kinh doanh:*

- ✓ Sản xuất dầu mỡ tinh chế.
- ✓ Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải.
- ✓ Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng, công trình đường sắt, đường bộ.
- ✓ Kinh doanh máy móc, phụ tùng các loại, kim loại, vật liệu xây dựng, nhiên liệu rắn lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan.
- ✓ Vận tải hàng hóa, hành khách đường thủy, đường bộ.
- ✓ Dịch vụ môi giới, đại lý cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty TNHH TM & XD An Sinh chính thức đi vào hoạt động vào năm

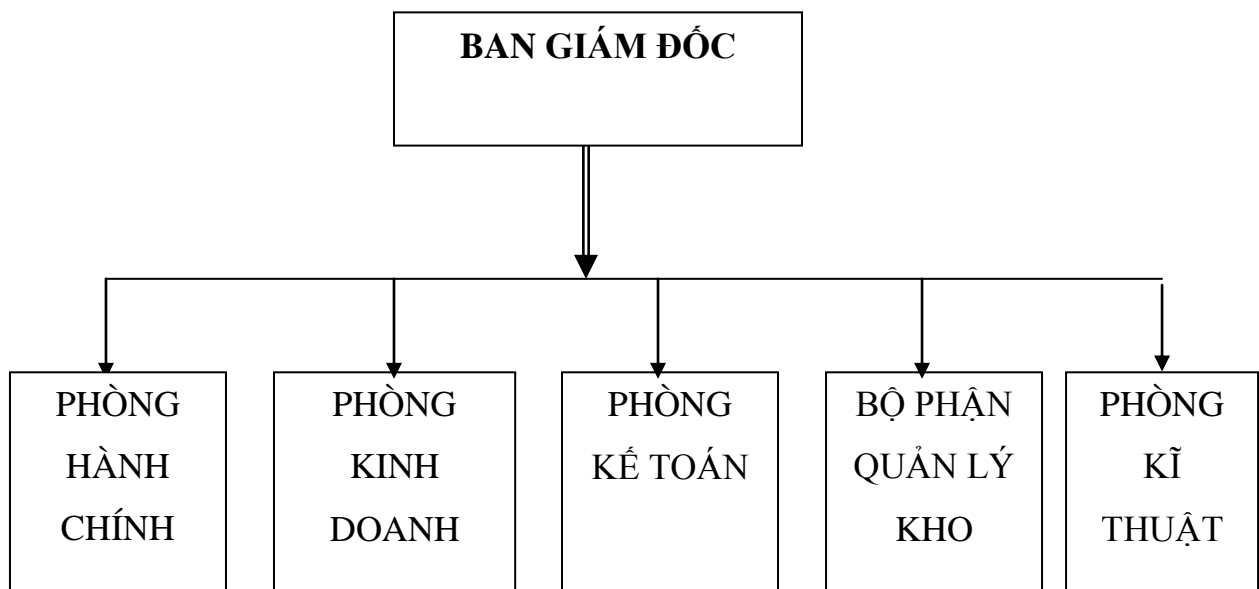
2005 chuyên cung cấp các sản phẩm dầu đốt lò.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty là cung cấp dầu đốt lò FO cho các doanh nghiệp sản xuất ở Hải Phòng và các vùng lân cận thuộc các tỉnh phía Bắc.

Bên cạnh đó Công ty còn phát triển mạnh về lĩnh vực dịch vụ tiếp vận, vận tải, vận chuyển hàng hoá nội địa trong nước và quốc tế.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh

Sơ đồ 2.1 Phân cấp quản lý của công ty TNHH TM & XD An Sinh



Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban

Là doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH TM & XD An Sinh tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến gọn nhẹ.

Đứng đầu là Ban giám đốc: có toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh của công ty.

Giám đốc : là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm toàn diện và điều hành toàn bộ hoạt động của công ty, là người đại diện cho quyền lợi của công ty trước nhà nước và pháp luật.

a. Phòng hành chính – tổng hợp: Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm lo các vấn đề về nhân sự của công ty, tổ chức, quản lý

hành chính

b. Phòng tài chính – kế toán: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc công ty, thực hiện hạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty, lập các báo cáo tài chính theo tháng, quý, năm.

- Tổ chức công tác kế toán, công tác thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất của đơn vị.

-Tổ chức ghi chép tính toán, phản ánh chính xác, trung thực kịp thời đầy đủ và phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

-Tính toán trích nộp đúng đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, nộp cấp trên và các quỹ xí nghiệp thanh toán đúng hạn các khoản tiền vay, công nợ phải thu, phải trả.

-Lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán thống kê và quyết toán tài chính theo chế độ quy định.

-Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời đúng chế độ kết quả kiểm kê tài sản, chuẩn bị kịp thời các thủ tục và tài liệu cần thiết.

-Tổ chức, bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán thuộc bí mật của đơn vị và của Nhà nước.

-Tổ chức phân tích giá thành sản phẩm, phân tích hoạt động kinh tế trong đơn vị nhằm đánh giá đúng đắn tình hình kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, phát hiện những lãng phí và thiệt hại xảy ra , những việc làm không có hiệu quả trì trệ trong sản xuất để có biện pháp khắc phục đảm bảo kết quả hoạt động và kinh doanh lời ngày càng cao.

-Thông qua công tác tài chính tham gia nghiên cứu cải tiến tổ chức sản xuất, quản lý kinh tế của đơn vị nhằm khai thác khả năng tiềm tàng tiết kiệm và không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn đảm bảo phát huy chế độ tự chi tài chính và thực hiện bảo toàn vốn của đơn vị.

-Tổ chức thi hành củng cố và hoàn thiện chế độ hạch toán kinh tế theo yêu cầu đổi mới cơ chế thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán trong đơn vị.

c. *Phòng kinh doanh* : Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ quản lý các bộ phận kinh doanh khai thác kho bãi.

d. *Bộ phận quản lý kho*: Quản lý nhập, xuất và thực hiện điều phối toàn bộ hàng hoá, vật tư, tài sản của công ty.

e. *Phòng kỹ thuật*: Tham mưu cho giám đốc về công tác tổ chức thực hiện kỹ thuật vật tư của đơn vị trên cơ sở nhiệm vụ chính trị được giao.

-Theo dõi , kiểm tra, đôn đốc các tổ sản xuất, thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã được Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam ban hành.

-Tổ chức mua sắm, cung ứng kịp thời vật tư nguyên vật liệu cho các tổ sản xuất.

-Bố trí phương tiện, thiết bị cho sản xuất tận dụng thời gian phương tiện, lao động, thiết bị nhàn rỗi tham gia sản xuất khác.

-Quản lý về chất lượng, số lượng tài sản được giao.

-Thường trực công tác sáng kiến, cải tiến, nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh

2.1.3.1. Bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung thống nhất. Phòng kế toán có 5 người. Đứng đầu là kế toán trưởng, dưới quyền có kế toán tổng hợp dưới nữa có các kế toán viên đảm nhiệm các chức vụ khác nhau như kế toán tiền mặt, kế toán bán hàng, kế toán công nợ và thủ quỹ.

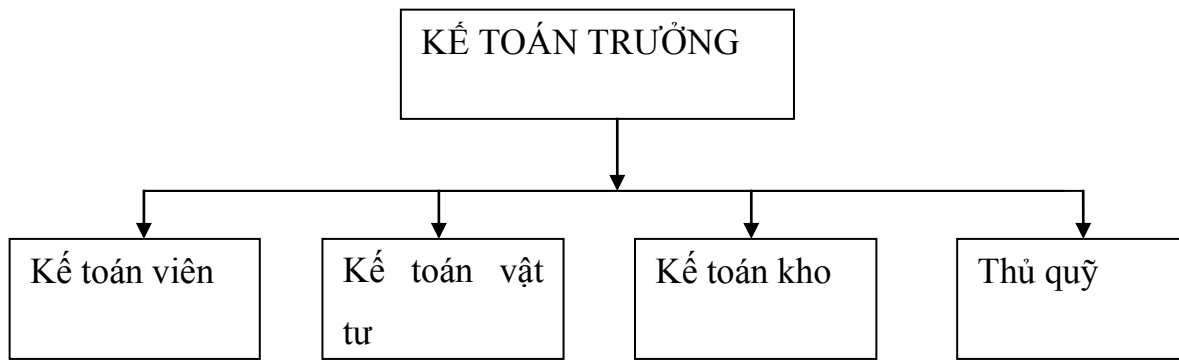
Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ xuất phát từ sự phân công lao động phân hành trong bộ máy kế toán.

Mỗi cán bộ nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, để từ đó tạo thành mối liên hệ có tính vị trí, lệ thuộc, chế ước lẫn nhau.

Guồng máy kế toán hoạt động hiệu quả là do sự phân công, tạo lập mối quan hệ giữa các kế toán theo tính chất khác nhau.

Bộ máy kế toán công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán tại công ty



- Kế toán trưởng:

- Tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty.
- Lập kế hoạch và báo cáo giám đốc thường xuyên tình hình chi tiêu tại công ty.
- Điều hành và kiểm tra việc chấp hành các chế độ kế toán tài chính, thường xuyên báo cáo với Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng tài chính kế toán phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của phòng.
- Quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

- Kế toán viên :

- Theo dõi các khoản tiền thu, chi từ quỹ công ty. Kiểm tra đối chiếu sổ quỹ với thủ quỹ kịp thời phát hiện các sai sót.
- Kiểm tra chứng từ đầu vào, đầu ra và tổng hợp số liệu, hoá đơn, chứng từ.

- Kế toán vật tư :

- Tổ chức tiếp nhận nghiệm thu vật tư theo dõi trên thẻ kho và thực tế tình hình tăng giảm vật tư phân bổ kịp thời.
- Cung cấp số liệu tăng giảm vật tư cho kế toán tổng hợp phục vụ cho công tác quản lý và quyết toán.

- Kế toán kho:

- Theo dõi lượng hàng hoá nhập xuất kho.
- Kiểm tra đối chiếu hàng hoá với thủ kho.
- Theo dõi các lượng tồn kho tối thiểu của các mặt hàng trình ban giám đốc để có kế hoạch bổ sung lượng hàng hoá.

- Thủ quỹ:

- Chịu trách nhiệm thu chi tiền mặt theo chứng từ hợp lệ đã được phê duyệt.
- Chịu trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm, đồng thời chịu trách nhiệm về số tồn quỹ và nội dung ghi trên sổ quỹ.
- Hàng ngày kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu sổ quỹ tiền mặt với tài khoản tiền mặt của kế toán tiền mặt.
- Báo cáo kế toán trưởng về số tồn quỹ tiền mặt hàng ngày hoặc khi có yêu cầu.
- Bảo quản và lưu giữ các chứng từ gốc.

***Chế độ kế toán áp dụng.**

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

Hệ thống sổ chi tiết và sổ tổng hợp, báo cáo được thực hiện ghi chép theo đúng quy định, phù hợp với quy mô hoạt động của công ty.

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

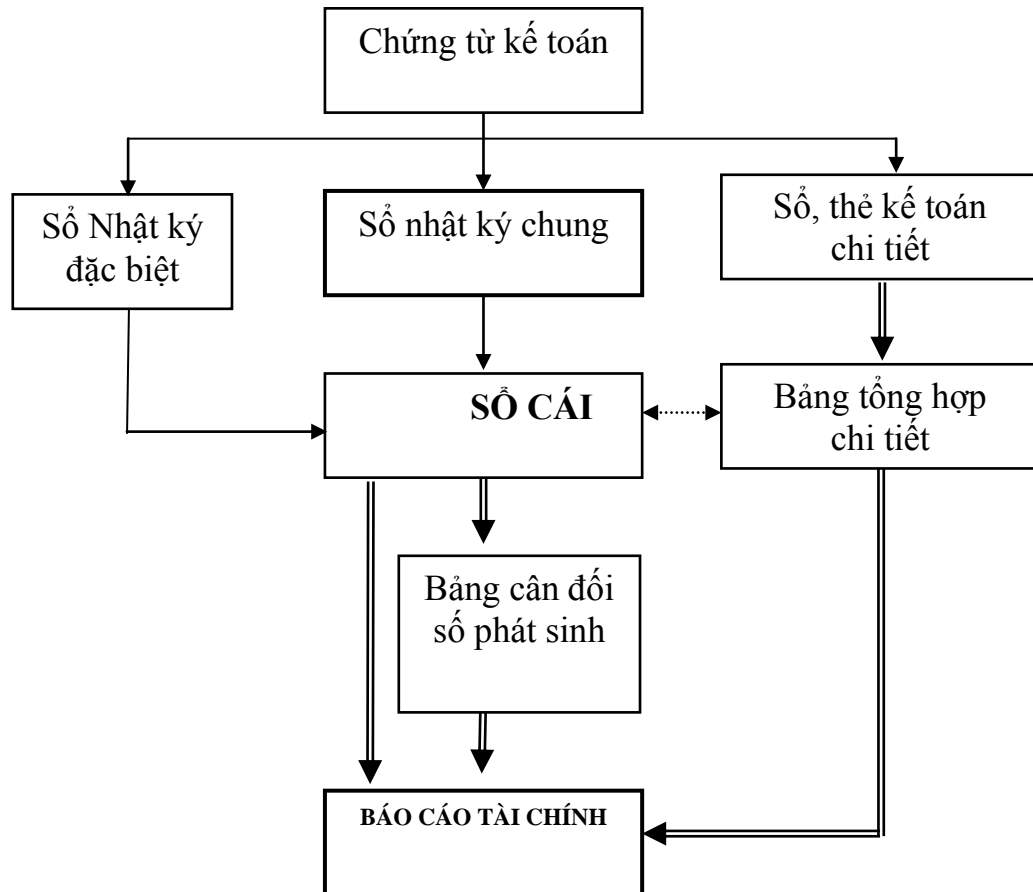
2.1.3.2. Hình thức kế toán

Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi

chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

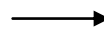
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

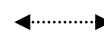
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Trình tự ghi sổ kế toán:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung hoặc sổ nhật ký đặc biệt, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung (sổ nhật

ký đặc biệt) để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu ghi trên sổ cái , lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

2.1.3.3. Một số đặc điểm trong công tác kế toán khác

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức ghi sổ của công ty áp dụng là hình thức nhật ký chung và làm kế toán trên excel.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO).

Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo nguyên tắc giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo quyết định số 05/2000/QĐ-BTC.

Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .

Hàng quý kế toán lập báo cáo theo quý, hàng năm lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh

2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu

2.2.1.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sử dụng**

Các chứng từ được sử dụng để ghi nhận doanh thu tại công ty:

+ Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)

- + Đơn đặt hàng
- + Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- + Giấy báo có
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)

*** Tài khoản sử dụng**

* Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

* Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan khác: TK 131, 111, 112, 3331,...

*** Phương pháp hạch toán**

- Do đặc điểm kinh doanh của công ty là sản xuất và kinh doanh dầu đốt lò do đó hình thức kinh doanh chủ yếu của công ty là bán lẻ cho các tổ chức kinh doanh và các cá nhân có nhu cầu.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm khách hàng đã nhận hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- Hàng ngày, căn cứ vào đơn đặt hàng của khách hàng kế toán lập phiếu xuất bán hàng để giao hàng cho khách hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.

Căn cứ vào hoá đơn bán hàng kế toán vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết công nợ với từng khách hàng, đồng thời kế toán quỳ hàng căn cứ vào đơn đặt hàng phản ánh vào báo cáo bán hàng.

Căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh ghi trong sổ nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái các tài khoản tương ứng.

Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết công nợ của từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp công nợ là căn cứ đối chiếu với sổ cái TK 131.

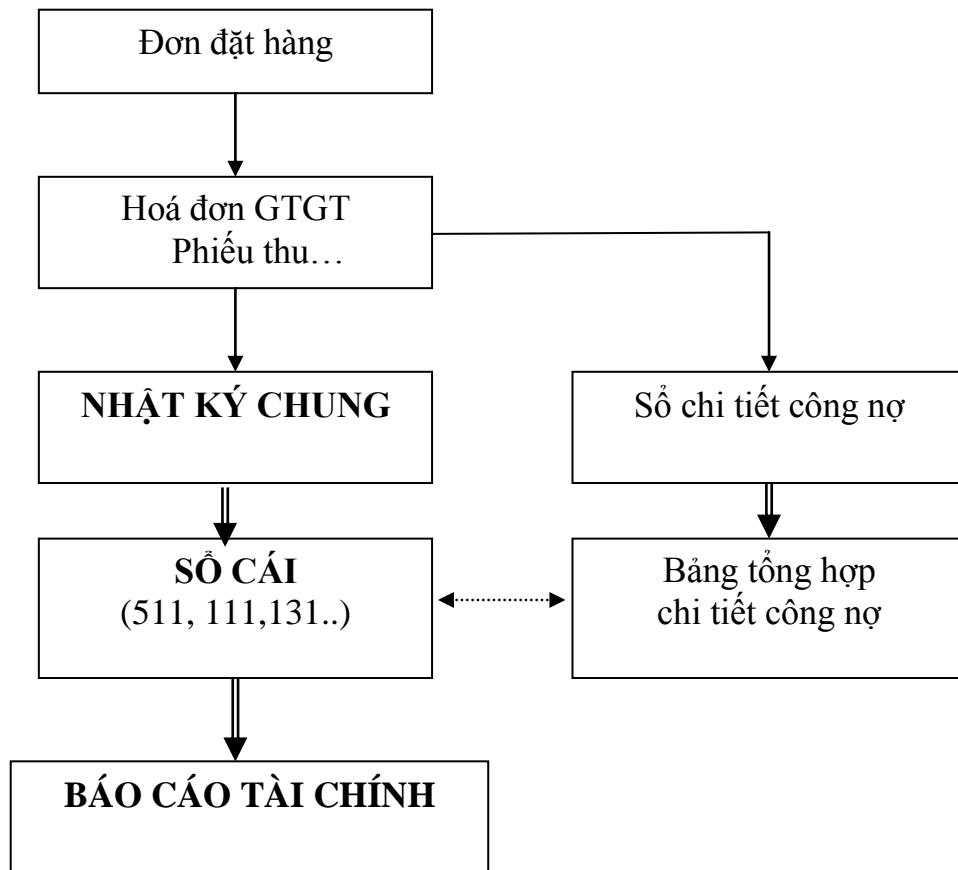
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

- Do công ty không áp dụng các chính sách giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại. Vì vậy, công ty không hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

và doanh thu thuần trong kỳ được xác định chính là doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Thuế GTGT phải nộp = Trị giá thanh toán chưa thuế x % Thuế suất

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

***Ví dụ:** Ngày 10/04/2010 xuất bán 16.410 lít dầu đen đơn giá 8.454 đồng/lít(đơn giá chưa bao gồm thuế VAT) cho Công ty Thương Mại Hoàng Kỳ, chưa thu được tiền.

- Căn cứ đơn đặt hàng ngày 8/04/2010 của Công ty TM Hoàng Kỳ kế toán vào phiếu xuất bán PX201 và xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 0062507 cho khách hàng

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số : 01			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GTKT – 3LL			
Liên 3: (Nội bộ)		AB / 2010T			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh					
Địa chỉ : Tổ 1A, phường Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng					
Số tài khoản: 03104060018632.....					
Điện thoại: 0313678067.....MST:0200576224					
Họ & tên người mua hàng: Anh Kỳ					
Tên đơn vị: Công ty Thương mại Hoàng Kỳ					
Địa chỉ : Thanh Lương, Thanh Liêm, Hà Nam					
Số tài khoản : 0611001769588					
Hình thức thanh toán : CK ...MST: 0700211635					
TT	Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	lít	1	2	3 = 1x2
1	Dầu đen đốt lò	lít	16.410	8454	138.730.140
Cộng tiền hàng:					138.730.140
Thuế suất GTGT:			Tiền thuế GTGT:		13.873.014
Tổng cộng tiền					152.603.154
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu sáu trăm linh ba nghìn một trăm lăm tư đồng					
<i>Ngày 10 tháng 04 năm 2010</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung theo đúng quan hệ đối ứng tài khoản.

Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 04 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....
10/4/10	PKT 360	10/4/10	Bán dầu đen đốt lò bán cho CTY TM Hoàng Kỳ	131	511	138.730.140
10/4/10	PKT 360	10/4/10	VAT dầu đen đốt lò bán cho CTY TM Hoàng Kỳ	131	3331	13.873.014
10/4/10	PX 201	10/4/10	Giá vốn bán dầu bán cho CTY TM Hoàng Kỳ	632	156	124.551.900
12/4/10	PC 958	12/4/10	Thanh toán tiền mua dầu diesel	641	111	1.360.000
12/4/10	PC 958	12/4/10	Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	136.000
20/4/10	PC 967	20/4/10	Thanh toán tiền điện T3	642	111	1.215.843
20/4/10	PC 967	20/4/10	Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	121.584
....
30/4/10	GBC 844	30/4/10	Nhập lãi tiền gửi tháng 4	112	515	1.435.687
30/4/10	KC_41	30/4/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	818.572.340
30/4/10	KC_42	30/4/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515	911	11.067.348
30/4/10	KC_43	30/4/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	554.065.200
30/4/10	KC_44	30/4/10	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	13.697.300
30/4/10	KC_45	30/4/10	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	143.468.200
30/4/10	KC_46	30/4/10	Xác định thuế TNDN	821	3334	29.602.247
30/4/10	KC_47	30/4/10	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	29.602.247
30/4/10	KC_48	30/4/10	Kết chuyển lãi	911	421	88.806.741
			Cộng lũy kế			5.082.562.596

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

- Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 511

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Tháng 04 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
9/4/10	PKT 348	9/4/10	Bán hàng cho CTY TNHH Mai Hương	131		120.543.600
10/4/10	PKT 360	10/4/10	Bán hàng cho CTY TM Hoàng Kỳ	131		138.730.140
.....
30/4/10	KC_41	30/4/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	818.572.340	
			Cộng số phát sinh		818.572.340	818.572.340
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

- Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái tài khoản liên quan khác như :111, 131, 112, 33311.

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI

Số hiệu TK: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Tháng 04 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		<u>32.112.437</u>	
.....
10/4/10	PKT 360	10/4/10	Bán hàng cho CTY TM Hoàng Kỳ	511	138.730.140	
10/4/10	PKT 360	10/4/10	Tiền thuế GTGT	3331	13.873.014	
.....
			Cộng số phát sinh		148.302.500	120.328.065
			Số dư cuối kỳ		<u>59.086.872</u>	

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH

Tổ 1A- Lãm Hà- Kiến An-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho tài khoản 131, 331)

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TM Hoàng Kỳ

Tháng 04 năm 2010

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn được hưởng chiết khấu	Số hiệu TK đối ứng	Tổng số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng						
			Số phát sinh trong tháng						
10/04/10	PKT 360	10/04/10	Bán dầu đen cho CTY TM Hoàng Kỳ		511	138.730.140		138.730.140	
10/04/10	PKT 360	10/04/10	Tiền thuế GTGT		3331	13.873.014		13.873.014	
			Cộng phát sinh			152.603.154			
			Số dư cuối tháng					152.603.154	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH							
Tổ 1A- Lãm Hà- Kiến An-Hải Phòng							
BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)							
Tài khoản: Phải thu khách hàng							
Số hiệu: 131							
Tháng 04 năm 2010							
STT	Tên khách hàng (đối tượng)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công Ty TM Hoàng Kỳ	-		152.603.154		152.603.154	
2	Công Ty TNHH Mai Hương	23.600.000		120.543.600		144.143.600	
3	Công Ty TNHH Hải Long	-		23.692.314	64.349.765		40.657.451
4	Công Ty TM CP Thái Hà		10.200.000	160.468.300		150.268.300	
	Cộng	23.600.000	10.200.000	457.307.368	64.349.765	447.015.054	40.657.451

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

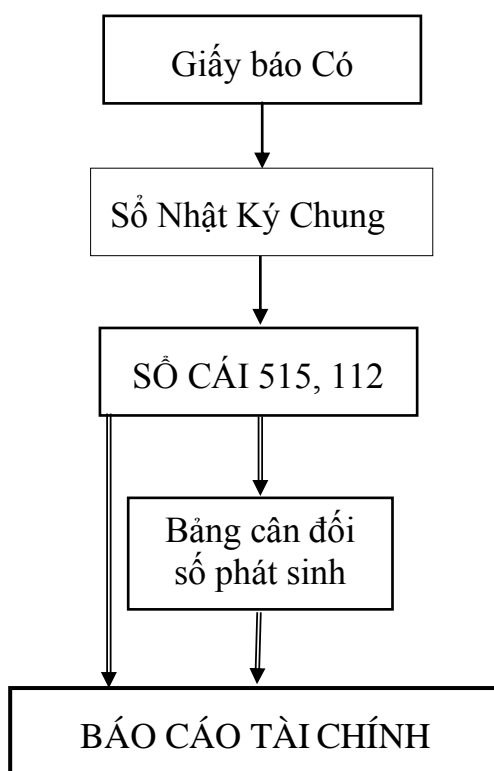
2.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH TM & XD An Sinh chỉ bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

- **Chứng từ sử dụng:** Giấy báo Có của ngân hàng
- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, 112.

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

*** Ví dụ:**

Ngày 30/4/2010 nhập lãi tiền gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần quốc tế là 1.435.687VNĐ theo giấy báo có Số 844.

Biểu số 2.7: Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ		
VIB	GIẤY BÁO CÓ	Số (Seq.No.) 844
		Ngày (date) 30/04/2010
		Giờ (time) 08:44:23 AM
Chi nhánh (Branch name): SGD HẢI PHÒNG		
Mã số thuế (Branch VAT code): 0100233488		
Mã số khách hàng: 00606588 CÔNG TY TNHH TM&XD AN SINH		
<i>Client No.</i>		
Số TK/ Tên TK: 0200576224 CÔNG TY TNHH TM&XD AN SINH		
<i>RB A/C No / A/C Name</i>		
Mã giao dịch: FTCTR-GD GHI CO TU TTTT		
<i>Tran Type</i>		
Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng		
<i>Narrative</i>		
Số tiền bằng chữ:	Số tiền (Credit amount in figures & ccy code)	
<i>Credit amount in words</i>	1,345,687VND	
<i>Một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng</i>		
	Số dư (Ledger Balance & ccy): 15,214,731VND CR	

GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ

User ID KSV14918

KIỂM SOÁT

Supervisor ID

Căn cứ vào giấy báo có kế toán ghi vào nhật ký chung Biểu số 2.4 trang 51.Sau đó căn cứ vào nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 515

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 04 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
30/4/10	GBC 844	30/4/10	Nhập lãi tiền gửi T4	112		1.435.687
.....
30/4/10	KC_42	30/4/10	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	11.067.348	
			Cộng số phát sinh		11.067.348	11.067.348
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

❖ Giá vốn hàng bán

▪ Để tổng hợp giá vốn số hàng đã xuất bán kế toán căn cứ vào số ghi trên bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn của hàng hóa để xác định giá vốn của số hàng đã xuất kho. Giá vốn của hàng xuất kho tiêu thụ được tính theo phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO)

▪ Theo phương pháp này, hàng hóa nào nhập trước thì cho xuất trước, xuất hết số nhập trước thì mới xuất số nhập sau theo giá thực tế của số hàng xuất. Nói cách khác, giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế của hàng xuất trước và do vậy giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng mua vào sau cùng.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

***Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Nhật ký chung
- Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn
- Sổ cái TK 632 và các tài khoản liên quan khác.

***Tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán:**

a. Tài khoản sử dụng:

- *Tài khoản 156: Hàng hóa*
- *Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán*

b. Phương pháp hạch toán:

(1) Khi xuất bán hàng cho khách hàng kế toán xác định giá vốn hàng bán :

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

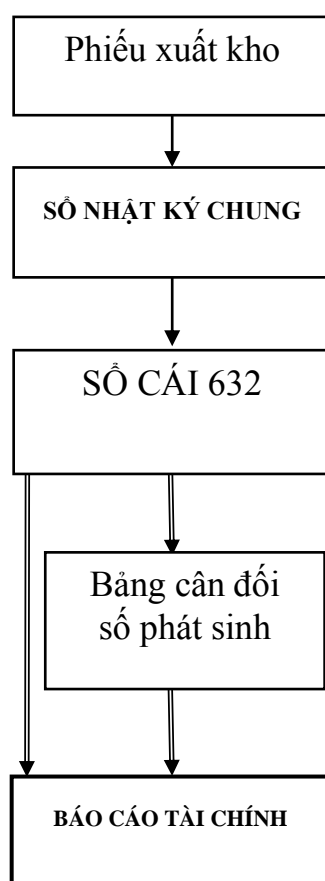
Có TK 1561 : Giá mua hàng hoá

(2) Mọi chi phí phát sinh khi mua hàng như chi phí vận chuyển, bốc dỡ...

được tính vào giá vốn hàng bán. Giá vốn của hàng đã tiêu thụ được dùng để xác định lãi gộp của số hàng đã bán

- Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán
- Nợ TK 1331 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- Có TK 331 : Phải trả người bán
- Có TK 111 : Tiền Việt nam
- Có TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-...->

Ví dụ:

Ngày 10/04/2010 Xuất bán hàng cho Công ty TM Hoàng Kỳ có tổng trị giá xuất kho là 124.551.900 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 124.551.900

Có TK 1561 :124.551.900

Từ phiếu xuất kho kế toán viết Hoá đơn GTGT thành ba liên

- Liên 1: Màu tím để lưu lại chứng từ gốc
- Liên 2: Màu đỏ giao khách hàng
- Liên 3: Màu xanh để lưu nội bộ

Căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất bán và đơn giá mua hàng xuất kho kế toán tính ra trị giá vốn thực tế xuất kho rồi viết phiếu xuất kho số 201 và xuất HĐ số 0062507 (Biểu số 2.4 trang 51) cho khách hàng

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH TM &XD AN SINH			Mẫu số 02 – VT			
Địa chỉ: Tổ 1A, Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng			Ban hành theo QĐ số 15 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC			
			Nợ: ...632.....			
			Có:156.....			
PHIẾU XUẤT KHO						
<i>Ngày 30 tháng 04 năm 2010</i>						
Số: 201						
<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên người nhận hàng: Anh Kỳ - Lý do xuất kho: Xuất bán - Xuất tại kho(ngăn lô): An Sinh Địa điểm:..... 						
Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách	Đ/vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Dầu FO	lít	16.410	16.410	7.590	124.551.900
Cộng						124.551.900
<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm hai mươi tư triệu năm trăm năm mươi một nghìn chín trăm đồng - Số chứng từ gốc kèm theo:..... 						
<i>Ngày 10 tháng 04 năm 2010</i>						
Người lập phiếu	Người nhận	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		

Sau khi viết phiếu xuất kho và HĐ GTGT kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.4 – trang 51). Căn cứ vào nhật ký chung kế toán vào các sổ cái TK

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Tháng 04 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
10/4/10	PX 201	10/4/10	Bán hàng cho CTY TM Hoàng Kỳ	156	124.551.900	
.....
30/4/10	KC_43	30/4/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		554.065.200
			Cộng số phát sinh		554.065.200	554.065.200
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là một bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh nhằm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá kinh doanh trong kỳ báo cáo.

*** Nội dung kinh tế của các khoản chi phí bán hàng tại công ty có:**

- Chi phí nhân viên bán hàng: bao gồm tiền công và quỹ trích nộp bắt buộc theo tiền công (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn)

- Chi phí vật liệu, bao bì chi dùng thực tế cho nhu cầu sửa chữa tài sản, xử lý hàng hoá dự trữ, bao gói hàng để tăng thêm giá trị thương mại cho hàng hoá

- Chi phí khấu hao TSCĐ của các khâu bán hàng (kho, quầy, cửa hàng, phương tiện vận tải,...)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ điện, nước, ga, khí, bảo hành, quảng cáo, điện thoại, vận tải, bốc xếp, hoa hồng ...

- Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.

*** Chứng từ sử dụng:**

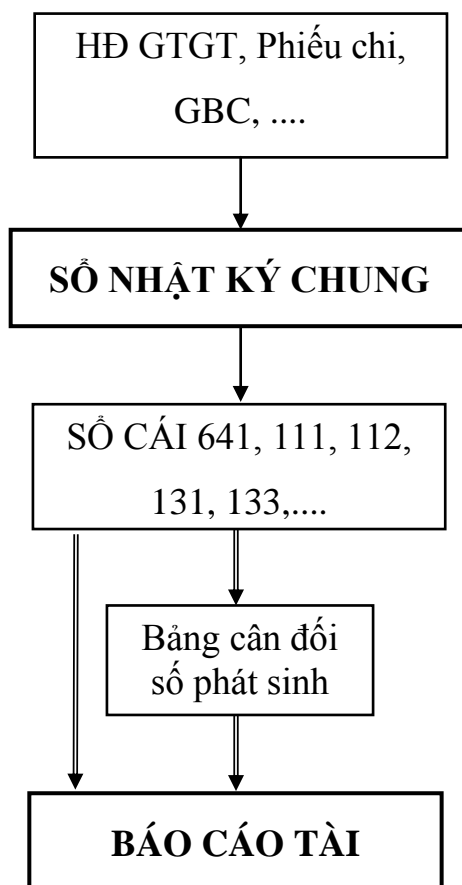
- Hoá đơn,
- Phiếu chi,
- Ủy nhiệm chi,
- Giấy tạm ứng,
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao,...

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 641- Chi phí bán hàng và các tài khoản liên quan khác.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Ví dụ:

Ngày 12 tháng 04 năm 2010, công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền mua dầu diesel cho công ty xăng dầu khu vực III với số tiền là 1.496.000đ.

Kế toán viết phiếu chi số 958 để chi tiền thanh toán cho khách hàng

Biểu số 2.11: Phiếu chi

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH	Mẫu số 02 - TT	
	Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BT	
	Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC	
Phiếu chi số: PC958		
<i>Ngày 12 tháng 04 năm 2010</i>		
	TK ghi nợ : 641,133	
	TK ghi có: 111	
Họ tên người nhận tiền: Công ty xăng dầu khu vực III		
Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh		
Lý do chi: Thanh toán tiền mua dầu diesel		
Số tiền: 1.496.000VND		
Bằng chữ: <i>Một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn</i>		
Kèm theo chứng từ gốc		
	<i>Ngày 12 tháng 04 năm 2010</i>	
Thủ trưởng	Kế toán trưởng	Người lập phiếu Thủ quỹ
Người nhận tiền		(ghi rõ họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....		
+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....		
+Số tiền quy đổi		

Từ phiếu chi đồng thời ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.4 trang 51) phản ánh nghiệp vụ chi tiền. Sau đó căn cứ vào nhật ký chung kê toán vào sổ cái Tài khoản 641 và các tài khoản khác liên quan

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI

Số hiệu TK: 641

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Tháng 04 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
12/4/10	PC 958	12/4/10	Mua dầu diesel	111	1.360.000	
.....
30/4/10	KC_44	30/4/10	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		13.697.300
			Cộng số phát sinh		13.697.300	13.697.300
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

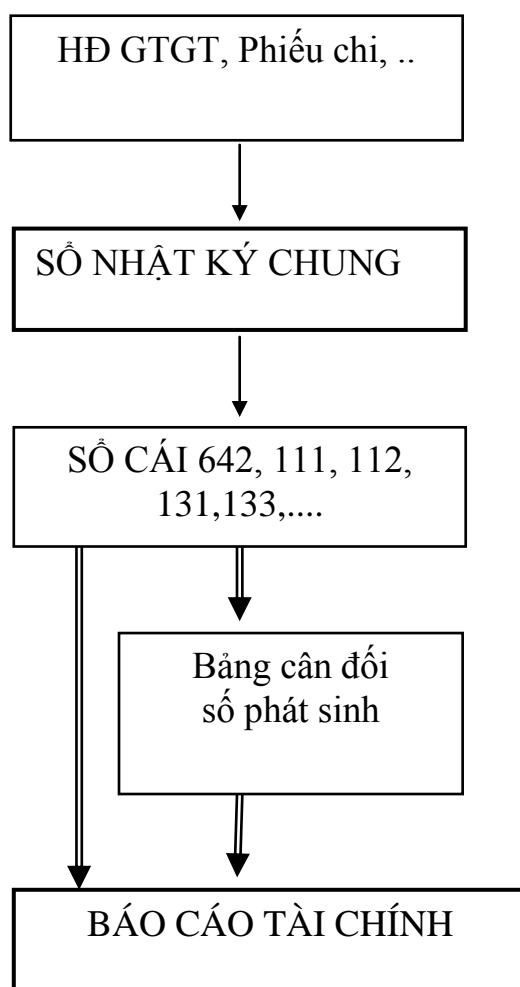
Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, hoá đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,....

* **Tài khoản sử dụng:** TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Ví dụ:

Ngày 20 tháng 04 năm 2010, công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền điện tháng 3 phục vụ quản lý số tiền 1.337.427VND.

Căn cứ vào hóa đơn tiền điện số 0160167 của Công ty Điện lực Hải Phòng kế toán viết phiếu chi số 967

Biểu số 2.13: Phiếu chi

<p>CÔNG TY TNHH TM& XD AN SINH</p>	<p>Mẫu số 02 - TT Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC</p>		
<p>Phiếu Chi số: PC967 <i>Ngày 20 tháng 04 năm 2010</i></p>			
<p>TK ghi nợ : 6427 TK ghi nợ :13311 TK ghi có: 1111</p>			
<p>Họ tên người nhận tiền: Lê Thị Thủy Địa chỉ: Công ty Điện lực Hải Phòng Lý do chi: Thanh toán tiền điện tháng 3 Số tiền: 1.337.427VND Bằng chữ: Một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng Kèm theo chứng từ gốc</p>			
<p><i>Ngày 20 tháng 04 năm 2010</i></p>			
Thủ trưởng	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ
Người nhận tiền		(ghi rõ họ tên)	
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)..... +Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)..... +Số tiền quy đổi</p>			

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0160167 và phiếu chi số 976 kế toán sẽ tiến hành vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.4 trang 51) đồng thời ghi vào sổ cái TK 642 và Sổ cái TK liên quan

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

Trích SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 04 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
20/4/10	PC967	20/4/10	Thanh toán tiền điện T3	111	1.215.843	
.....
30/4/10	KC_45	30/4/10	Kết chuyển chi phí QLDN	911		143.468.200
			Cộng số phát sinh		143.468.200	143.468.200
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán*(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh

*** Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan khác: TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

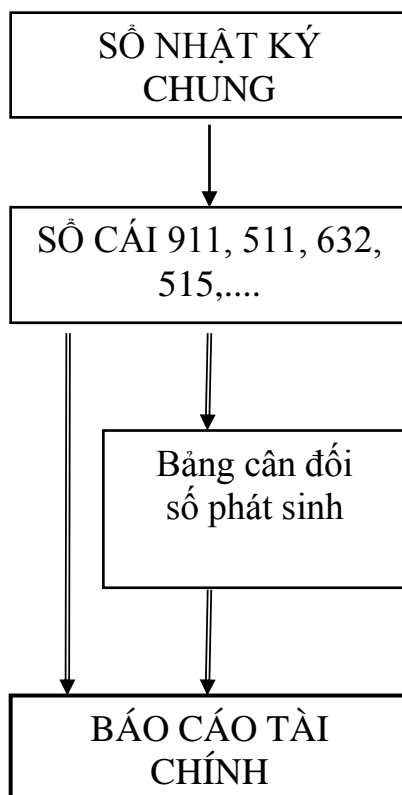
TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

.....

*** Chứng từ sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản liên quan: 911, 421, 641, 642, 632, 511...

Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇨

Căn cứ vào sổ cái các tài khoản liên quan như sổ cái 631, 641, 642, 511 kế toán tiến hành kết chuyển rồi phản ánh vào nhật ký chung (biểu số 2.4-trang 51) . Căn cứ vào nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 821

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 821****Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****Tháng 04 năm 2010****Đơn vị tính: Đồng**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
30/4/10	KC_46	30/4/10	Xác định thuế TNDN tạm tính	3334	29.602.247	
30/4/10	KC_47	30/4/10	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911		29.602.247
			Cộng số phát sinh		29.602.247	29.602.247
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán*(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

Đồng thời kế toán cũng ghi vào sổ cái TK421- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH
Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 421****Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối****Tháng 04 năm 2010****Đơn vị tính: Đồng**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			5.276.590
30/4/10	KC_48	30/4/10	Kết chuyển lãi	911		88.806.741
			Cộng số phát sinh			88.806.741
			Số dư cuối kỳ			94.083.331

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán*(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh

CÔNG TY TNHH TM & XD AN SINH**Mẫu số: S03a - DN****Tổ 1A – Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20 tháng 03 năm 2006**Của bộ Tài chính)***SỔ CÁI****Số hiệu TK: 911****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Tháng 04 năm 2010****Đơn vị tính: Đồng**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
30/4/10	KC_41	30/4/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		818.572.340
30/4/10	KC_42	30/4/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515		11.067.348
30/4/10	KC_43	30/4/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	554.065.200	
30/4/10	KC_44	30/4/10	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	13.697.300	
30/4/10	KC_45	30/4/10	Kết chuyển chi QLDN	642	143.468.200	
30/4/10	KC_46	30/4/10	Kết chuyển thuế TNDN	821	29.602.247	
30/4/10	KC_47	30/4/10	Lợi nhuận chưa phân phối	421	88.806.741	
			Cộng số phát sinh		827.639.688	827.639.688
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán*(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

❖ Cách lập Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh:

Kế toán căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước và tất cả các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để lập nên Báo cáo kết quả kinh doanh.

Cách lập từng chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu 1: *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)*: Số liệu để kế toán ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của TK 511 và TK 512 trong năm báo cáo trên sổ cái của từng tài khoản.

- Chỉ tiêu 2: *Các khoản giảm trừ doanh thu: (Mã số 02)*: Số liệu để kế toán ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên nợ của TK 511 và TK 512 đối ứng với bên có của TK 521, TK 531, TK532, TK333(chi tiết TK 3331, TK 3332, TK 3333)

- Chỉ tiêu 3: *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: (Mã số 10)*

Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

- Chỉ tiêu 4: *Giá vốn hàng bán (Mã số 11)*: Số liệu để kế toán ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của TK 632 trong kỳ báo cáo đối ứng với bên nợ của TK 911 trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 5: *Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)* :

Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11

- Chỉ tiêu 6: *Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên nợ của TK 515 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 7: *Chi phí tài chính (Mã số 22)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của TK 635 đối ứng với bên nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

Trong đó: *Chi phí lãi vay (Mã số 23)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào sổ kế toán chi tiết TK 635.

- Chỉ tiêu 8: *Chi phí bán hàng (Mã số 24)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK 641 đối ứng với bên nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 9: *Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)*: Số liệu để ghi vào

chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK 642 đối ứng với bên nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

• Chỉ tiêu 10: *Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)*: Chỉ tiêu này được tính trên cơ sở lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ cộng(+) doanh thu hoạt động tài chính trừ (-) Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}$$

• Chỉ tiêu 11: *Thu nhập khác (Mã số 31)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên nợ của TK 711 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

• Chỉ tiêu 12: *Chi phí khác (Mã số 32)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của TK 811 đối ứng với bên nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

• Chỉ tiêu 13: *Lợi nhuận khác (Mã số 40)*

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

• Chỉ tiêu 14: *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)*:

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

• Chỉ tiêu 15: *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của TK 8211 đối ứng với bên nợ của TK 911 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên nợ của TK 8211 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này thường ghi âm).

• Chỉ tiêu 16: *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của TK 8212 đối ứng với bên nợ của TK 911 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên nợ của TK 8212 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này thường ghi âm).

• Chỉ tiêu 17: *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)*:

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - (\text{Mã số 51} + \text{Mã số 52})$$

• Chỉ tiêu 18: *Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)*: Chỉ tiêu này được hướng dẫn cách tính toán theo thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi trên cổ phiếu”.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH

3.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong các doanh nghiệp, việc tiêu thụ hàng hóa, phân tích doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh là vấn đề rất quan trọng. Sự quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường là làm thế nào để sản phẩm hàng hoá của mình tiêu thụ được trên thị trường và được thị trường chấp nhận đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp làm ăn có lãi.

Đặc biệt đối với các đơn vị sản xuất và kinh doanh thương mại. Để có quá trình phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh thì họ phải trải qua một khâu cực kỳ quan trọng đó là khâu tiêu thụ hàng hóa. Có thể nói rằng tiêu thụ hàng hóa mang ý nghĩa sống còn đối với một doanh nghiệp. Tiêu thụ là một giai đoạn không thể thiếu trong mỗi chu kỳ kinh doanh vì nó có tính chất quyết định tới sự thành công hay thất bại của một chu kỳ kinh doanh và chỉ giải quyết tốt được khâu tiêu thụ thì doanh nghiệp mới thực sự thực hiện được chức năng của mình là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

Bên cạnh việc tổ chức kế hoạch tiêu thụ hàng hoá một cách hợp lý. Để biết được doanh nghiệp làm ăn có lãi không thì phải nhờ đến kế toán phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Vì thế việc hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có một vai trò rất quan trọng. Kế toán phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một trong những thành phần chủ yếu của kế toán doanh nghiệp về những thông tin kinh tế một cách nhanh nhất và có độ tin cậy cao, nhất là khi nền kinh tế đang trong giai đoạn cạnh tranh quyết liệt mỗi doanh nghiệp đều tận dụng hết những năng lực sẵn có nhằm tăng lợi nhuận cũng cố mở rộng thị phần của mình trên thị trường.

Cũng như các doanh nghiệp khác Công ty TNHH TM&XD An Sinh là một

doanh nghiệp thương mại đã sử dụng kế toán để điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Trong đó kế toán theo dõi tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả kinh doanh hàng hoá có nhiệm vụ theo dõi quá trình bán hàng số lượng hàng hoá bán ra, chi phí bán hàng để cung cấp đầy đủ thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh từng kỳ cho lãnh đạo công ty để họ có thể ra những quyết định đúng đắn nhất, chính xác nhất và có lợi cho công ty nhất.

3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.

3.1.1. Những kết quả đạt được

- Bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm quy mô của công ty. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán theo kiểu tập trung đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất, tập trung trong công ty đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò và chức năng của mình tạo điều kiện cho việc phân công lao động, chuyên môn của nhân viên kế toán.

- Đội ngũ nhân viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng .

- Hình thức kế toán công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với mức độ hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra tại công ty. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian do vậy mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- Công ty áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, do vậy tình hình nhập xuất tồn kho nguyên liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hóa luôn được báo cáo kịp thời, đầy đủ tạo thuận lợi cho hoạt động của công ty.

- Công ty thực hiện trích và phân bổ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao bình quân là rất hợp lý, vì phương pháp này đơn giản, dễ tính toán. Tỷ lệ khấu hao và mức khấu hao hàng năm được xác định theo mức không đổi trong suốt thời gian sử dụng tài sản. Vì vậy, lãnh đạo công ty luôn chủ động

trong việc lập kế hoạch giá thành sản phẩm.

- Chứng từ kế toán sử dụng theo quy định và mẫu của bộ tài chính ban hành. Từ khi bắt đầu hoạt động đến nay công tác kế toán của doanh nghiệp luôn sử dụng và thực hiện hợp lý và hợp pháp các mẫu chứng từ và hình thức luân chuyển chứng từ phù hợp. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh đầy đủ và trung thực trên các chứng từ và sổ sách theo hình thức ghi sổ phù hợp. Nhờ vậy, việc phân loại và tổng hợp các thông tin kinh tế việc ghi sổ gặp nhiều thuận lợi.

- Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo hướng dẫn của chế độ kế toán.

Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ phù hợp với mặt hàng kinh doanh của công ty. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3.1.2. Những hạn chế

Mặc dù về cơ bản, công ty đã tổ chức tốt việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhưng vẫn còn một số nhược điểm sau:

+ Hiện nay công ty chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này trong nền kinh tế thị trường hiện nay là rất cần thiết với sự tồn tại của doanh nghiệp.

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ bao nhiêu đều được phản ánh vào chi phí phát sinh trong kỳ mà không quan tâm là chi phí đó lớn hay nhỏ để phân bổ dần vào chi phí các kỳ kế toán tiếp theo. Như vậy nếu trong kỳ hàng hoá mua về nhiều mà chưa bán được thì chi phí sẽ bị đội

lên, làm cho thu nhập trước thuế giảm xuống, từ đó làm giảm khoản thuế phải nộp. Điều đó là không đúng.

+ Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi công ty đang cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh vậy mà công ty lại bị chiếm dụng vốn. Điều đó chứng tỏ công ty chưa áp dụng các biện pháp giảm trừ doanh thu một cách hiệu quả đặc biệt là các khoản chiết khấu trong quá trình bán hàng.

+ Thị trường tiêu thụ của Công ty tuy rộng khắp trong và ngoài tỉnh, nhưng tại Công ty đến thời điểm này vẫn chưa có hoạt động xuất khẩu hàng hoá – hoạt động có thể nói là góp phần không nhỏ đến lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng

- Về phía nhà nước, cơ quan chức năng:

Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, không mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy không chặt chẽ, cơ chế, quy định chưa rõ ràng, còn chồng chéo. Quá trình xử lý vi phạm không nghiêm minh.

- Về phía tổ chức nghề nghiệp:

+ Hoạt động còn mang tính chất hình thức chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

+ Thiếu nguồn lực.

+ Thiếu năng lực, thiếu cán bộ chuyên trách.

+ Thiếu một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội: Khung pháp lý hiện hành còn chưa hệ thống hóa và phức tạp, với các thủ tục đăng ký phức tạp.

- Về phía doanh nghiệp:

+ Do thói quen: Trong công ty việc hạch toán và phương pháp hạch toán được duy trì từ kế toán cũ rất ít được thay đổi. Đây là thói quen cố hữu và tồn tại trong một số thành viên trong phòng kế toán, họ không muốn thay đổi phương pháp làm việc.

+ Chậm đổi mới: Xã hội ngày càng phát triển, khoa học kỹ thuật ngày càng

được ứng dụng nhiều vào trong mọi lĩnh vực của đời sống. Ngành kế toán cũng không ngoại trừ. Vì vậy phương pháp hạch toán, kế toán cũng đòi hỏi phải thay đổi theo để cho công việc hạch toán được nhanh chóng, và mức độ chính xác cao.

+ Cán bộ già: Đội ngũ nhân viên trong các phòng ban của công ty đa số là những người có vài chục năm kinh nghiệm, làm quen với kiểu công. Bên cạnh những ưu điểm là có kinh nghiệm thì đội ngũ cán bộ lâu năm thường chậm nắm bắt kịp được với những ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc. Và họ có tư tưởng ngại tiếp cận với những cái mới, không muốn thay đổi thói quen trong công việc.

+ Yêu cầu quản lý, kiểm tra công tác kế toán tại công ty không đầy đủ, không chặt chẽ.

+ Tính tự giác và tinh thần trách nhiệm của cán bộ kế toán chưa cao.

+ Điều kiện tài chính còn hạn chế.

3.1.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng.

Từ thực trạng của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh những bài học kinh nghiệm được rút ra như sau:

-Về phía nhà nước, cơ quan chức năng:

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

-Về phía tổ chức nghề nghiệp:

+ Cần hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ của hiệp hội.

+ Cần xây dựng một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội thống nhất và xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các hiệp hội doanh nghiệp.

+ Nguồn lực cần được đảm bảo và đồng thời cũng đảm bảo về trình độ chuyên môn.

-Về phía doanh nghiệp:

+ Nhân viên kế toán cần thay đổi và học hỏi công tác hạch toán và phương pháp hạch toán, đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật vào việc hạch toán và

phương pháp để cung cấp số liệu đầy đủ và nhanh chóng hơn cho doanh nghiệp trong chiến lược phát triển.

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính để đảm bảo nguồn tài chính cho sự hoạt động và phát triển của doanh nghiệp

+ Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Để đạt hiệu quả cao trong việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán, đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy, khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ quản lý. Do đó, việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu về thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt tình hình. Từ đó, ra quyết định đúng đắn và cần thiết.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục

đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn càng hiệu quả. Vì vậy, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với hạch toán kinh tế.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực cho công tác quản lý thông qua việc thu thập, xử lý, tính toán, tổng hợp, cân đối số liệu để cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nắm vững các chức năng nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác quản lý nói riêng. Hoàn thiện công tác kế toán ngay từ hệ thống chứng từ ban đầu nâng cao tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách dễ dàng, tiết kiệm được chi phí, thời gian. Hệ thống sổ sách kế toán đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc đối chiếu và bám sát tình hình kinh doanh. Công tác kế toán cuối kỳ sẽ được phản ánh chính xác, kịp thời và đáng tin cậy.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên lý thuyết mà phải phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát tình hình thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.3. Một số kiến nghị và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

❖ Kiến nghị 1: Về việc hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty TNHH TM&XD An Sinh là một doanh nghiệp sản xuất và thương mại, trong một tháng có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép mà công việc kế toán chủ yếu được tiến hành trên Excel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch dòng dẫn đến đưa ra các báo cáo không chính xác sẽ ảnh hưởng đến công ty.

Do vậy công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công

tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA...

Và có rất nhiều doanh nghiệp cung cấp phần mềm miễn phí cho doanh nghiệp như Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam. Đây cũng là phần mềm rất hay. Doanh nghiệp chỉ cần gửi hồ sơ đăng ký qua mail, fax hoặc bưu điện Công ty SIS sẽ hẹn ngày đến lấy đĩa cài và hướng dẫn sử dụng cho doanh nghiệp. Công ty còn mở các khóa đào tạo trực tiếp cho khách hàng.

Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ như **sơ đồ 1.17**

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.

Từ đó lập nên các báo cáo tài chính.

❖ *Kiến nghị 2: Về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*

- Các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nếu phát sinh lớn có thể hạch toán vào TK 142, 242- Chi phí trả trước để phân bổ dần vào các kỳ kế toán tránh tình trạng chi phí tăng cao vào một tháng có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

Khi phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp với giá trị lớn, kế toán phản ánh:

Nợ TK 142, 242 : Chi phí trả trước

Có TK 111, 112.....: các tài khoản liên quan.

Hàng tháng phân bổ dần vào chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 641, 642 : Phần chi phí phân bổ vào chi phí BH và QLDN

Có TK 142,242 : Chi phí trả trước

❖ *Kiến nghị 3: Về việc thu hồi doanh thu bán chịu*

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được.

Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

- Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.
- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp hạch toán dự phòng phải thu khó đòi

1. Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác

định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập.

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

2. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 "Nợ khó đòi đã xử lý" (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

3. Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 711 - Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004 "Nợ khó đòi đã xử lý" (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

4. Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho Công ty mua, bán

nợ. Khi doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đăng phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán) cho Công ty mua, bán nợ và thu được tiền, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ... (Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Nợ các TK liên quan (Số chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền thu được từ bán khoản nợ và số đã được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chính sách tài chính hiện hành)

Có các TK 131, 138...

❖ *Kiến nghị 4: Công ty nên áp dụng các chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại để thúc đẩy tiêu thụ*

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như: nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn thì sẽ áp dụng chiết khấu bao nhiêu phần trăm trên tổng giá thanh toán tại thời điểm đó, mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng có thể được xác định dựa vào: tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của công ty, số tiền mua hàng phát sinh hoặc thời gian thanh toán tiền hàng. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty.

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

Phương pháp hạch toán:

- Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng
Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán của công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

Để thúc đẩy việc tiêu thụ hàng hóa mạnh hơn công ty nên áp dụng chính sách giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại. Tâm lý người tiêu dùng rất thích việc giảm giá mặc dù là không đáng kể nhưng sẽ hấp dẫn được rất nhiều khách hàng đến với công ty để xem sản phẩm và chắc chắn sẽ tăng doanh thu.

- Đối với những khách hàng mua với số lượng lớn công ty sẽ áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng căn cứ vào thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết mua bán hàng.

Khi áp dụng giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kế toán phản ánh:

Nợ TK 521, 532

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112, 131

Sau đó, vào cuối kỳ kế toán sẽ thực hiện bút toán kết chuyển giảm doanh thu

Nợ TK 511

Có TK 521, 532

❖ *Kiến nghị 5: Về mở rộng thị trường tiêu thụ*

Công ty nên mở rộng phạm vi và thị trường tiêu thụ hàng hoá. Đặc biệt là phương thức xuất khẩu hàng hoá, Công ty nên áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả tiêu thụ cho mình.

Trên đây là một vài nhận xét và kiến nghị của em đưa ra nhằm giúp công ty có thêm những lựa chọn trong công tác kế toán các nghiệp vụ bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trong quá trình thực tập tại công ty. Do kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nhưng với những gì được nghiên cứu và giảng dạy trên ghế nhà trường em có đưa ra những nhận định trên hy vọng sẽ được sự quan tâm của quý công ty đến những kiến nghị đó.

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp

3.4.1. Về phía Nhà nước, cơ quan chức năng.

Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và

có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

3.4.2. Về phía hiệp hội nghề nghiệp.

+ Cần xây dựng một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội thống nhất và xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các hiệp hội doanh nghiệp.

+ Nguồn lực cần được đảm bảo và đồng thời cũng đảm bảo về trình độ chuyên môn.

3.4.3. Về phía doanh nghiệp.

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán.

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính.

+ Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

+ Những người làm công tác kế toán: Phải nỗ lực học tập, có tinh thần trách nhiệm, đủ trình độ chuyên môn.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường hiện nay, vấn đề kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định tới sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp. Công tác kế toán nghiệp vụ này trong kinh doanh sẽ giúp cho các doanh nghiệp xác định đúng đắn kết quả kinh doanh và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động của mình. Vì thế, hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh mà còn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp khác và của cả nền kinh tế quốc dân hiện nay.

Kế toán là một công cụ giúp cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh luôn nắm bắt được những gì đã làm, cần làm và sẽ làm, đồng thời nó cũng là một công cụ quản lý của tất cả các nhà kinh doanh trong mọi lĩnh vực. Hoạt động kinh doanh cũng vậy, rất cần đến kế toán để làm công tác quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý tiêu thụ hàng hoá, cơ sở vật chất và sự vận động của vốn kinh doanh sao cho an toàn và hiệu quả.

Trong thời gian thực tập ở Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh đã giúp em củng cố lại kiến thức đã học tại trường và còn giúp em bước đầu có những hiểu biết thực tế về công tác Kế toán. Để đạt được điều này, em đã được sự chỉ bảo nhiệt tình của PGS.TS Thịnh Văn Vinh và cán bộ phòng tài chính kế toán ở Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại cơ sở thực tập và kiến thức còn ít ỏi mà em đã tích lũy được trong suốt quá trình học tập tại ghế nhà trường, em xin mạnh dạn đưa ra một số đề nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh. Do kiến thức về mặt lý luận còn hạn chế nên chắc chắn bài báo cáo này còn nhiều thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất và giúp cho bản thân em có điều kiện tìm hiểu môi trường thực tiễn để nâng cao các nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Bích

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1 Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.1 Khái quát về doanh thu	4
1.1.1.1 Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.....	4
1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.1.2. Khái quát về chi phí	6
1.1.2.1. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
1.1.2.2. Chi phí tài chính	8
1.1.2.3. Chi phí khác	8
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu.....	10
1.2.1.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	10
1.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.2.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính.....	15
1.2.1.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác	17
1.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí	18
1.2.2.1. Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	18
1.2.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính.....	29
1.2.2.3. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác	30
1.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	32
1.3. Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.....	34

Chương 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH	40
2.1. Một số nét khái quát về công ty TNHH TM & XD An Sinh.....	40
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	40
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.....	41
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.....	43
2.1.3.1. Bộ máy kế toán.....	43
2.1.3.2. Hình thức kế toán	45
2.1.3.3. Một số đặc điểm trong công tác kế toán khác.....	47
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh	47
2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu	47
2.2.1.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47
2.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính.....	56
2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.....	59
2.2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán.....	59
2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng	64
2.2.2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	68
2.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh	71
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH	78
3.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	78
3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định	

kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh.	79
3.1.1. Những kết quả đạt được	79
3.1.2. Những hạn chế.....	80
3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng.....	81
3.1.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng.....	82
3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện.....	83
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.....	83
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	84
3.3. Một số kiến nghị và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	84
3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp	89
3.4.1. Về phía Nhà nước, cơ quan chức năng.	89
3.4.2. Về phía hiệp hội nghề nghiệp.....	90
3.4.3. Về phía doanh nghiệp.....	90
KẾT LUẬN	91

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Bích

Mã sinh viên : 110134

Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Thịnh Văn Vinh

HẢI PHÒNG - 2011